



2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

DANH TỪ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
UBND	Ủy ban nhân dân
TNHH MTV	Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm tai nạn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
SXKD	Sản xuất kinh doanh
CTCP	Công ty cổ phần

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG	6
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	20
3. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	44
4. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	52
5. BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY	56
6. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	64

1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty
Tên viết tắt
Mã cổ phiếu
Vốn điều lệ
Trụ sở chính

Điện thoại
Fax
Email
Website

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP
INRUCO

IRC

175.000.000.000 đồng

Số 14, Đường 21 tháng 4, P. Xuân Tân, Tp. Long Khánh,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

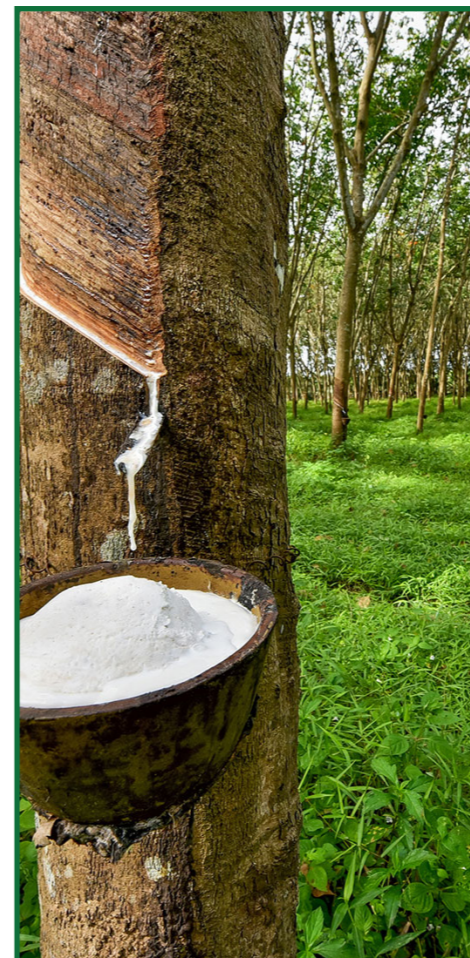
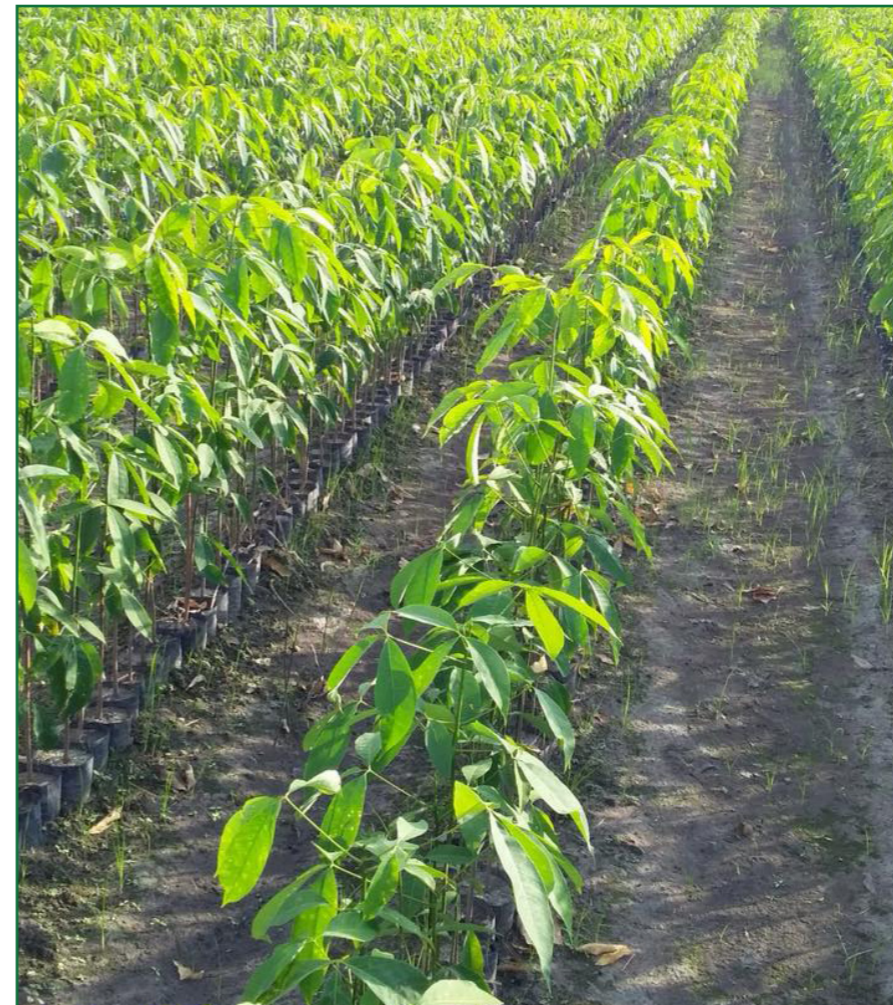
(025) 13721 199

(025) 13721 199

ctycaosucongnghiep@yahoo.com.vn

<http://www.donarubber.com.vn/>

Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600259017 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 27 tháng 01 năm 2005, thay đổi lần thứ 7 ngày 16 tháng 06 năm 2020.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 20/07/2016, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2286/QĐ-UBND về kế hoạch chuyển công ty TNHH Cao su Công nghiệp thành công ty cổ phần. Trên cơ sở đó Công ty đã triển khai công tác cổ phần hóa và chính thức tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở giao dịch chứng khoán TP HCM vào ngày 05/12/2017, sau đó tiếp tục hoàn tất chào bán cho nhà đầu tư chiến lược và người lao động trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Phương án cổ phần hóa được phê duyệt.

Thủ tướng chính phủ có quyết định số 209/2006 QĐ-TTG phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới nông lâm trường quốc doanh thuộc tỉnh Đồng Nai, Công ty được giữ nguyên mô hình công ty TNHH MTV nhà nước nắm 100% vốn điều lệ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cho phép thành lập lại doanh nghiệp theo quyết định số 388 của Thủ tướng chính phủ và UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định thành lập lại doanh nghiệp số 183/QĐ.UBT ngày 10/03/1993.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu để thành lập CTCP cao su Công nghiệp. Đến ngày 01/03/2018, Công ty chính thức được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600259017 đăng ký lần đầu ngày 27/01/2005, đăng ký sửa đổi lần thứ 5 ngày 01/03/2018 để chuyển đổi loại hình từ công ty TNHH MTV sang CTCP.

Ngày 24/11/2008, UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định số 3935/QĐ-UBND chuyển giao công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp cho Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai làm đại diện chủ sở hữu. Công ty là công ty con hoạt động mô hình Công ty mẹ - Công ty con của Tổ hợp Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai.

Ngày 15/11/2004, UBND tỉnh Đồng Nai có quyết định số 5509/QĐ.CT. UBT chuyển đổi Công ty thành Công ty TNHH MTV Cao su Công nghiệp.

Liên hiệp Nông trường Cao su được thành lập (Tiền thân CTCP Cao su Công nghiệp) theo Quyết định số 255/QĐ-UBT ngày 27/08/1976 của UBND tỉnh Đồng Nai, trên cơ sở tiếp quản, cải tạo và xây dựng lại các đồn cao su nhỏ, lẻ trong tỉnh, ngoài phạm vi quản lý của Công ty Cao su Đồng Nai (nay là Tổng công ty Cao su Đồng Nai trực thuộc Tập đoàn Cao su Việt Nam), có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập

1976

1993

2004

2006

2008

2016

2018

2020

Công ty hoạt động và phát triển ổn định.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

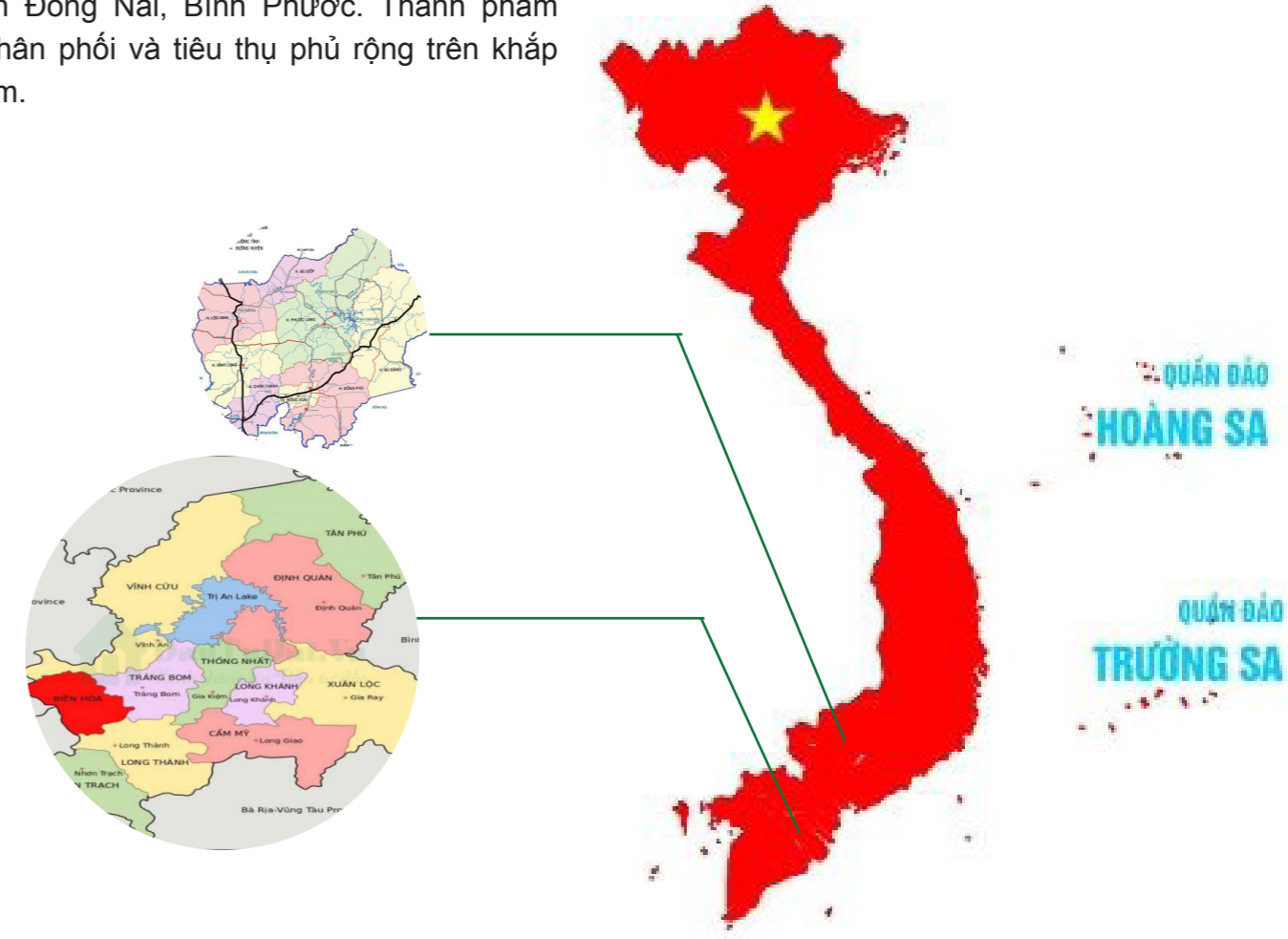
Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây cao su: sản xuất giống, trồng và chăm sóc cây cao su. Khai thác, sơ chế cao su tờ xông khói (RSS), cao su Creopes;
Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Kinh doanh sản phẩm gỗ cao su;
Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn sản phẩm (mủ) cao su;
Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm có liên quan: Bán buôn củi cao su;
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ tư vấn và phát triển cao su dân doanh;
Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư.



Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động và sản xuất tập trung ở địa bàn tỉnh Đồng Nai, Bình Phước. Thành phẩm được phân phối và tiêu thụ phủ rộng trên khắp Việt Nam.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và được cổ đông ủy quyền.

Hội đồng quản trị

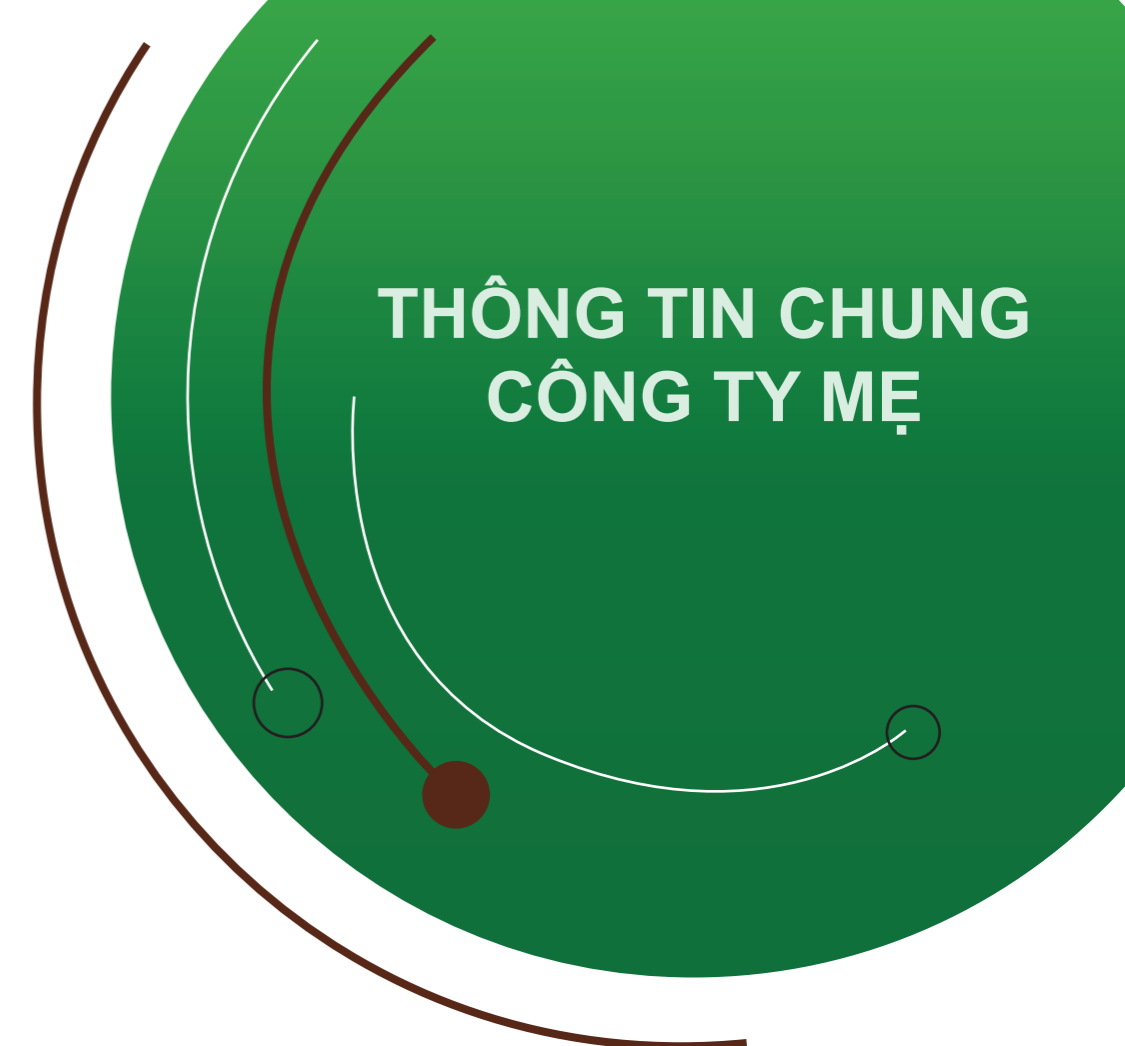
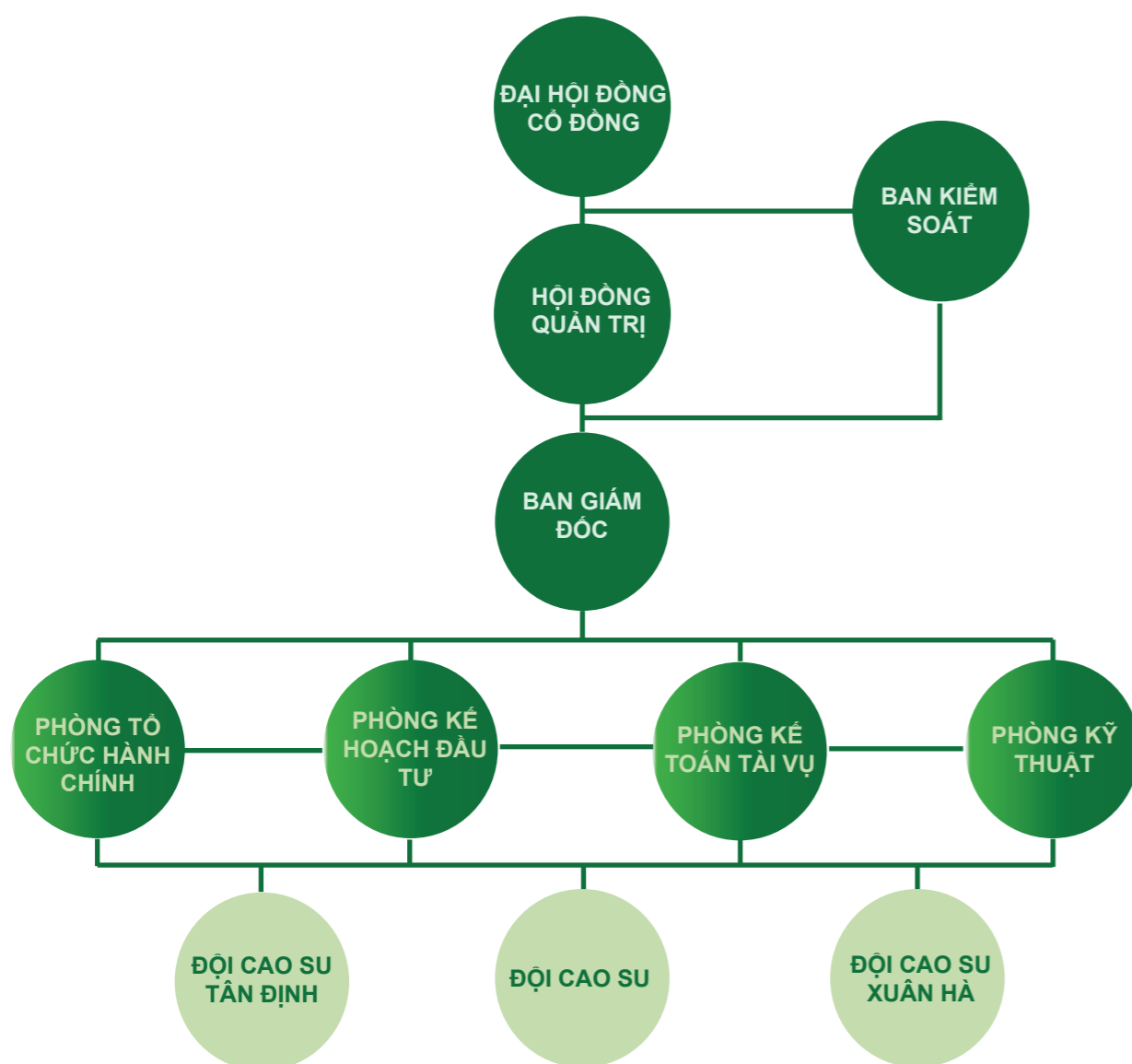
Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hiện tại Hội đồng cổ đông quản trị Công ty có 5 thành viên, nhiệm kỳ là 5 năm.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính Công ty. Hiện tại Ban kiểm soát Công ty và 03 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

Ban Giám đốc

Bao gồm 01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.



Tên Công ty

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI - MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH DOFICO

Tên viết tắt

3.035.078.019.542 đồng

Vốn điều lệ

Số 833, Xa lộ Hà Nội, Khu Phố 1, Phường Bình Tân, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở chính

Điện thoại

0251.3836110

Fax

0251.3836132

Email

admin@dofico.com.vn

Website

http://www.dofico.com.vn/

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai chính thức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253505 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01 tháng 07 năm 2010 (chuyển đổi loại hình từ Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai số ĐKKD 4706000002 ngày 01/07/2005), đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 19 tháng 3 năm 2021

Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp không có công ty con, công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Mục tiêu chủ yếu

Trồng và khai thác mủ cao su, tạo công ăn việc làm cho người lao động;
Thực hiện các biện pháp ổn định tình hình sản xuất nâng cao năng suất mủ cao su.

Mục tiêu phát triển bền vững

Đối với môi trường

Tuân thủ các quy định về môi trường, hàng năm công ty có kế hoạch đào tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy chế biến;
Thường xuyên tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh cho người lao động và đảm bảo các tiêu chí về môi trường theo quy định của Nhà nước.

Mục tiêu phát triển bền vững

Tiến hành thanh lý cây cao su già cỗi, năng suất kém để trồng mới cao su;
Tăng cường chăm sóc vườn cây kiến thiết cơ bản.



Đối với xã hội và cộng đồng

Đáp ứng các tiêu chí về công tác đảm bảo chất lượng và an toàn, xây dựng uy tín và niềm tin cho người dân;
Khuyến khích, tham gia các hoạt động tình nguyện của Công ty tổ chức và thúc đẩy tư duy hướng tới sự phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống;
Vận động cán bộ công nhân viên quyền góp ủng hộ quỹ “vì người nghèo”, quỹ “khuyến học”, quỹ “phòng chống thiên tai”, “hội người mù” với số tiền 81.536.500 đồng;
Công ty cùng các tổ chức đoàn thể đã tổ chức thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách, hộ nghèo nhân dịp lễ, tết, cùng nhau góp sức xây dựng một cộng đồng thân thiện.



CÁC RỦI RO

Rủi ro về kinh tế

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 khiến cho tình hình nền kinh tế thế giới nói chung và trong nước nói riêng rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng. Theo ghi nhận của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) GDP toàn cầu giảm 4,4% so với năm 2019. Tuy nhiên Việt Nam là quốc gia thực hiện tốt các biện pháp phòng tránh dịch tốt giúp cho tình hình nền kinh tế Việt Nam dần hồi phục vào nửa cuối năm 2020.

Trong năm 2020, tỷ lệ lạm phát cả nước ở mức 3,23% thấp hơn mức chỉ tiêu Quốc hội đề ra, theo Tổng cục Thống kê GDP năm 2020 đạt dương 2,91%. Đây là thành quả của các cơ quan ban ngành cùng nhân dân đã nỗ lực không ngừng quyết liệt phòng chống dịch Covid - 19 kết hợp với ổn định và phát triển kinh tế. Vào tháng 8/2020, hiệp định thương mại tự do

giữa Việt Nam – EU (EVFTA) có hiệu lực, đã phần nào giúp tăng trưởng kinh tế Việt Nam được hồi phục.

Theo đánh giá của IMF, các chính sách nới lỏng tiền tệ của các nước trên thế giới vẫn được tiếp tục duy trì nhằm giảm sự suy thoái và phục hồi nhanh nền kinh tế, dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2021 kỳ vọng đạt 5,2% so với năm 2020.

Có nhiều dự báo khả quan trong tương lai về sự phục hồi của nền kinh tế, tuy nhiên vẫn còn những biến động khó lường có thể gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty luôn theo dõi tình hình biến động kinh tế thế giới để có biện pháp giảm thiểu rủi ro kịp thời.



Rủi ro tự nhiên

Một khó khăn không thể tránh khỏi của ngành nông nghiệp là phụ thuộc hầu hết vào thiên nhiên gây ảnh hưởng đến hoạt động canh tác, năng suất, chất lượng, quá trình thu hoạch và sản xuất kinh doanh. Mặc dù cây cao su là loại cây công nghiệp lâu năm với việc chăm sóc đơn giản, không cần quá nhiều kỹ thuật trong trồng trọt nhưng việc kiểm soát tốt bệnh hại trên cây cao su, và hạn chế tác động của thiên nhiên sẽ giúp vườn cây phát triển tốt.

Với mục tiêu là phát triển tốt vườn cây kiến thiết, doanh nghiệp đã và đang thực hiện tốt các biện pháp nhằm bảo đảm bảo sự phát triển ổn định của cây giống.

Rủi ro pháp luật

Hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần và chính thức giao dịch trên sàn UPCOM với mã cổ phiếu IRC, Công ty cổ phần Cao su Công nghiệp bị ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản liên quan. Đồng thời, với hoạt động chủ yếu là trồng cây cao su, Công ty còn phải chịu ảnh hưởng của Luật dân sự, Luật đất đai ... Tuy nhiên, hệ thống pháp luật Việt Nam còn nhiều bất cập và đang trong quá trình hoàn thiện. Cuối năm 2020, các văn bản liên quan của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã ban hành và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động quản trị của Công ty.

Do đó, Công ty cổ phần Cao su Công nghiệp luôn cập nhật, theo dõi tình hình thay đổi của pháp luật để đưa ra các chính sách quản lý, định hướng kinh doanh phù hợp.

Rủi ro đặc thù ngành (rủi ro giá cả)

Với nguồn nguyên liệu chính từ cao su thiên nhiên, kết quả kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi giá cao su trên thế giới. Bên cạnh đó, giá cao su thiên nhiên phụ thuộc chủ yếu vào tình hình cung cầu, tăng trưởng kinh tế toàn cầu, giá dầu thô, chính sách tiền tệ của các nước lớn như Mỹ, Nhật, Trung Quốc,... Với bối cảnh kinh tế bất ổn năm 2020, giá dầu có sự biến động mạnh nhất trong lịch sử biến động từ ngưỡng 30 USD/ thùng đến 40 USD/ thùng rồi quay về lại giá 30 USD/thùng. Theo Hội đồng Cao su Quốc tế Ba bên (ITRC) gồm Thái Lan, Indonesia và Malaysia, sản xuất cao su thiên nhiên năm nay gặp khó khăn do thời tiết bất lợi, bệnh rụng lá của cây cao su cũng như hoạt động thu hoạch mủ cao su bị gián đoạn, gây thất thoát lượng cao su thu hoạch được. Dẫn đến giá bán thành phẩm cao su cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng.

Vì vậy, Công ty luôn có chính sách nhằm hạn chế tối đa sự ảnh hưởng mà rủi ro này mang lại đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro có thể kiểm soát được, Công ty cũng chịu ảnh hưởng của một số rủi ro không thể lường trước được như có thể kể đến như thiên tai, dịch bệnh... gây tổn thất lớn về tài sản, con người và hoạt động sản xuất kinh doanh. Chính vì thế Công ty chủ động đưa ra biện pháp trong việc phòng ngừa rủi ro này bằng việc mua bảo hiểm về tài sản cũng như con người nhằm hạn chế thấp nhất sự tổn thất có thể xảy đến.

RISK

2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tình hình tài chính

Tổ chức và nhân sự

Tình hình hoạt động đầu tư

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn chủ sở hữu

Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đvt: Triệu đồng

NỘI DUNG	ĐVT	KH 2020	TH 2020	TH/KH (%)
Tổng doanh thu	Trđ	32.030	49.332	154,02
Sản lượng tiêu thụ mù RSS	Tấn	495	491	99,19
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	1.226	18.340	1.495,92
- Lợi nhuận hoạt động SXKD	Trđ	-12.874	-11.986	93,1
- Lợi nhuận tài chính	Trđ	5.000	5.333	106,66
- Lợi nhuận khác	Trđ	9.100	24.993	274,65
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	981	15.733	1.603,77
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	0,56	8,99	1.605,36
Nộp ngân sách Nhà nước	Trđ	2.870	5.268	183,55

NỘI DUNG	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020	2020 / 2019	
				Giá trị	%
Tổng doanh thu	Trđ	44.706	49.332	4.626	10,35
- Doanh thu SXKD	Trđ	31.039	18.996	-12.043	
- Doanh thu tài chính	Trđ	7.335	5.333	-2002	
- Thu nhập khác	Trđ	6.332	25.003	18.671	
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	9.787	18.340	8.553	87,39
- Lợi nhuận SXKD	Trđ	-3.869	-11.986	-15.855	
- Lợi nhuận tài chính	Trđ	7.327	5.333	-1.994	
- Lợi nhuận khác	Trđ	6.329	24.993	18.664	

Tình hình Doanh thu

Tổng doanh thu năm 2020 là 49.332 triệu đồng, đạt 154,02% so với kế hoạch, tăng 10,35% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó:

Doanh thu sản xuất kinh doanh: 18.996 triệu đồng (chiếm 38,51% tổng doanh thu) là doanh thu bán các sản phẩm cao su RSS, cao su tạp, bán cây trà, chăm sóc cây cao su Xuân Tâm. Sản lượng tiêu thụ mù RSS năm 2020: 491 tấn, đạt 99,19% với kế hoạch năm, giảm 43,76% (tương đương với 382 tấn) so với cùng kỳ năm 2019.

Doanh thu hoạt động tài chính: 5.333 triệu đồng (chiếm 10,81% tổng doanh thu), chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng. Doanh thu tài chính năm 2020 giảm 27,21% so với cùng kỳ năm 2019.

Thu nhập khác: 25.003 triệu đồng (chiếm 50,68% tổng doanh thu) gồm tiền thu từ bán cây cao su thanh lý và tiền bồi thường tài sản thu hồi dưới đường cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây.

Tình hình Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế là 18.340 triệu đồng, tăng 8.553 triệu đồng, tương ứng với tăng 87,39% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó:

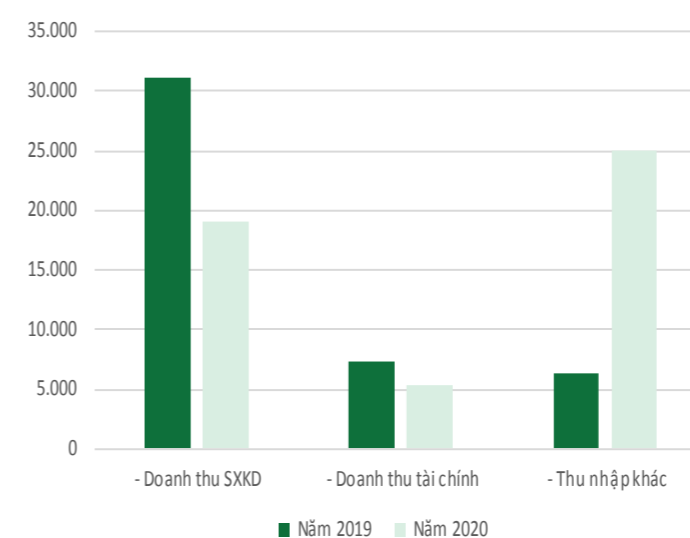
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh lỗ 11.986 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu do ảnh hưởng dịch bệnh covid-19 khiến cho giá dầu trên thế giới giảm kéo theo đó giá bán trong nước cũng giảm mạnh.

Lợi nhuận tài chính là 5.333 triệu đồng (chiếm 29,08% tổng lợi nhuận), chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng, giảm 27,21% so với cùng kỳ năm 2019.

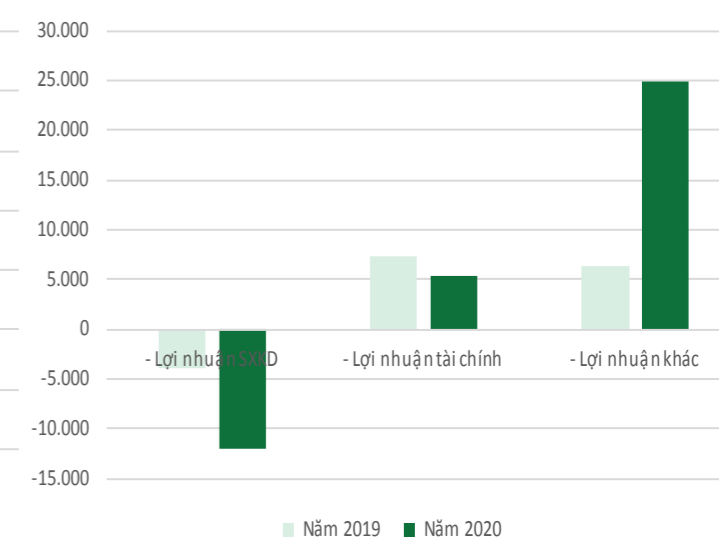
Lợi nhuận khác là 24.993 triệu đồng (chiếm 136,28% tổng lợi nhuận) tăng 294,90% so với cùng kỳ năm 2019, do trong năm có thu từ thanh lý lô cao su già và tiền bồi thường tài sản đường cao tốc Phan Thiết Dầu Giây.

Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 15.733 triệu đồng, tăng 1.503,77% so với kế hoạch năm, tăng 7.442 triệu đồng tương ứng với tăng 89,76% so với cùng kỳ năm 2019.

Thay đổi trong cơ cấu doanh thu



Thay đổi trong cơ cấu lợi nhuận



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Tổng giá trị tài sản	188.199	204.042	108,42
2	Doanh thu thuần	31.039	18.996	61,2
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.457	-6.653	-65,81
4	Lợi nhuận khác	6.331	24.993	394,77
5	Lợi nhuận trước thuế	9.787	18.340	187,39
6	Lợi nhuận sau thuế	8.291	15.733	189,76

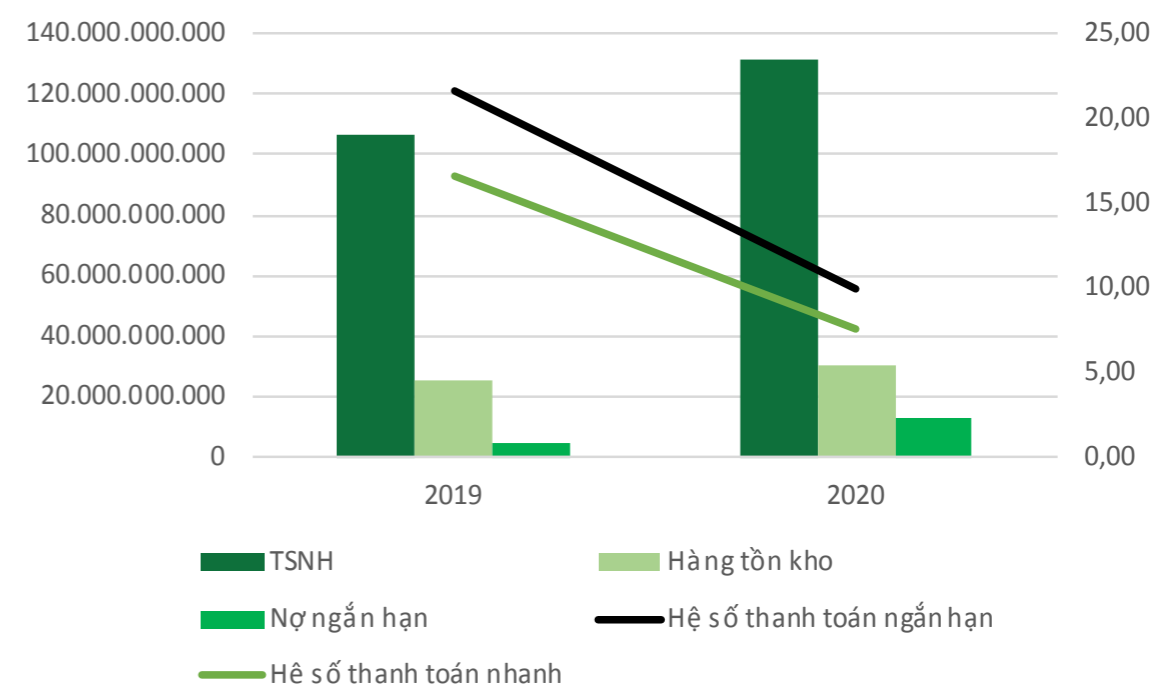
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	21,68	9,87
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	16,54	7,57
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	2,61	6,52
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	2,68	6,98
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	1,09	0,77
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,17	0,1
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	26,71	82,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	4,52	8,41
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,42	8,02
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	11,14	-

Các hệ số tài chính là yếu tố giúp các nhà đầu tư đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty, cùng xem xét chúng trong 2 năm trở lại đây của doanh nghiệp ta thấy mặc dù đối mặt với tình hình khó khăn của thị trường dưới tác động của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp, Công ty đã có những bước đi vững chắc giúp cải thiện cơ cấu tài chính của công ty tuy nhiên không tránh khỏi sự sụt giảm lợi nhuận trong tình hình toàn thể nền kinh tế đang gặp khó khăn như hiện nay.

Đối với các chỉ tiêu về thanh toán

Hệ số thanh toán nhanh và hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty giảm từ 21,68 lần xuống 9,86 lần và từ 16,54 lần xuống 7,57 lần chủ yếu do 2 nguyên nhân chính. Một là, tài sản ngắn hạn tăng 23,45% so với năm 2019 (chủ yếu là trong khoản mục đầu tư ngắn hạn). Hai là, nợ ngắn hạn tăng mạnh hơn so với tài sản ngắn hạn và tăng 171,32% so với năm 2019 khiến cho chỉ số này giảm. Tuy nhiên các chỉ số này đều lớn hơn 1 cho thấy khả năng tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn đem lại hiệu quả cho Công ty.

Các nhân tố làm thay đổi khả năng thanh toán



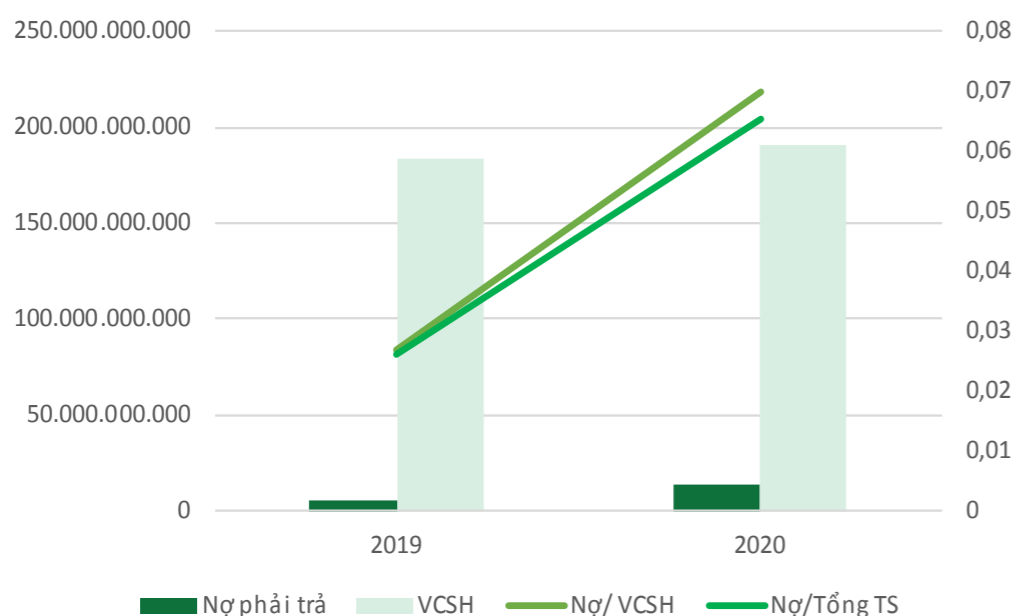
Đối với các chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/tổng tài sản trong năm tăng mạnh từ 2,61% năm 2019 lên 6,52% năm 2020. Nguyên nhân là nợ phải trả tăng 171,23% so với năm trước nhưng tổng tài sản của Công ty chỉ tăng 8,04% làm cho hệ số này tăng vượt trội hơn năm trước rất nhiều, chủ yếu do hoạt động đầu tư ngắn hạn tăng 34,42% làm cho tổng tài sản trong năm tăng. Đồng thời vào gần cuối năm 2020, giá bán cây cao su tăng mạnh từ 450 nghìn đồng/cây lên 1,2 triệu đồng/cây làm cho quỹ lương phải trả cho người động theo chính sách nhà nước tăng và khoản phải trả người lao động tăng đột biến từ 2.528 triệu đồng lên 6.287 triệu đồng.

Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 2,68% lên 6,98% do khoản nợ phải trả tăng mạnh hơn tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu so với năm 2019. Do Công ty hoạt động hiệu quả, đem lại nguồn lợi nhuận lớn giúp cho vốn chủ sở hữu trong năm tăng.



Các nhân tố làm thay đổi chỉ tiêu về cơ cấu vốn

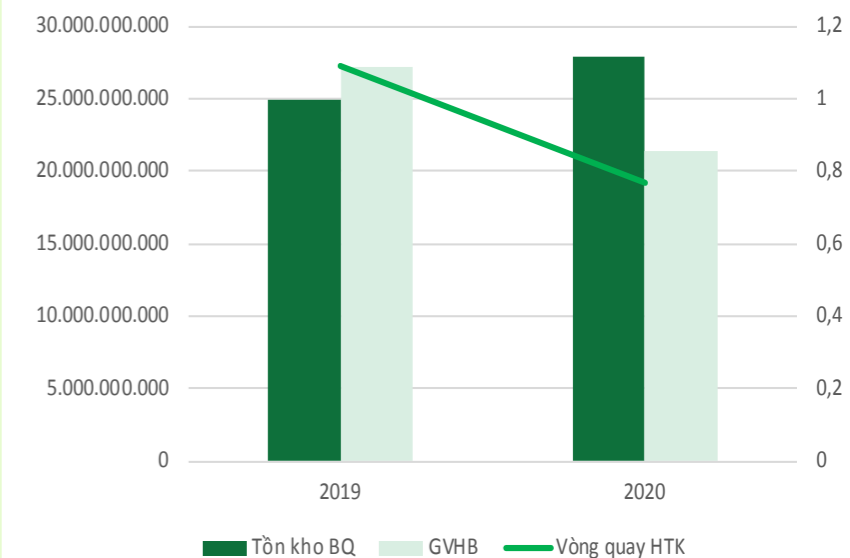


Đối với các chỉ tiêu về năng lực hoạt động

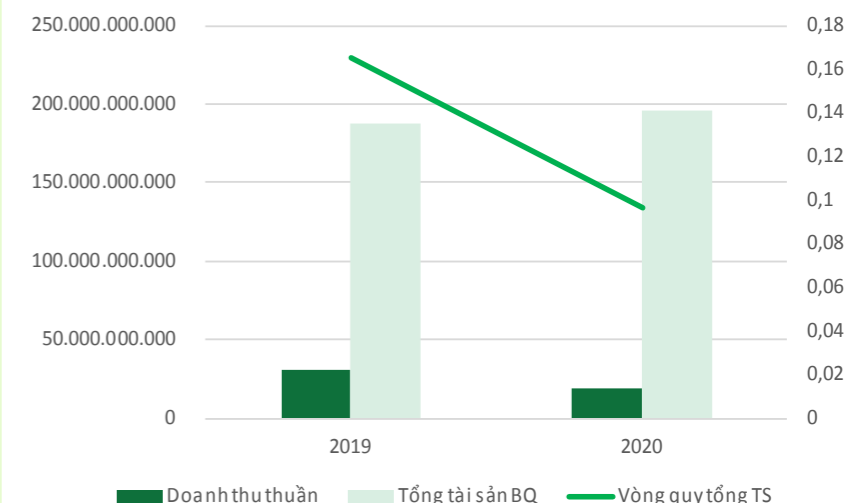
Vòng quay hàng tồn kho trong năm giảm từ 1,09 vòng năm 2019 xuống 0,77 vòng năm 2020. Nguyên nhân chính là do giá vốn hàng bán trong năm giảm 21,15% so với năm 2019 trong khi hàng tồn kho tăng 21,04% (trong đó lượng thành phẩm tăng từ 23.235 năm 2020 triệu đồng lên 28.773 triệu đồng năm 2020 và chiếm tỷ trọng cao nhất đối với hàng tồn kho).

Vòng quay tổng tài sản giảm từ 0,17 vòng năm 2019 xuống 0,1 vòng năm 2020 chủ yếu do doanh thu thuần giảm 38,8% so với cùng kỳ và tổng tài sản trong năm tăng 8,42% so với năm 2019. Năm 2020 hoạt động kinh doanh chính gặp khó khăn khiến doanh thu thuần trong năm giảm từ 31.039 triệu đồng xuống 18.996 triệu đồng.

Các nhân tố làm thay đổi vòng quay hàng tồn kho



Các nhân tố làm thay đổi vòng quay tổng tài sản

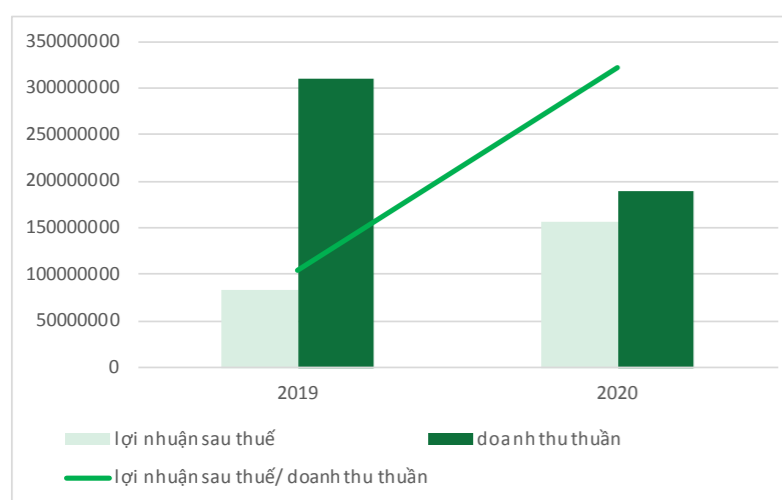


Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

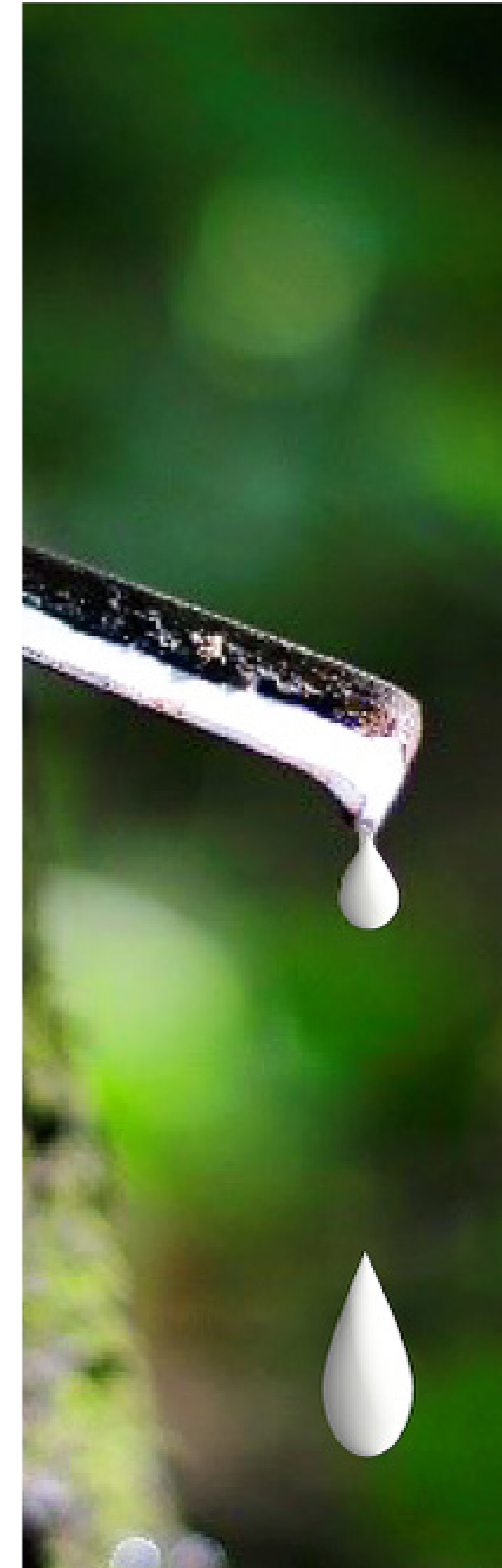
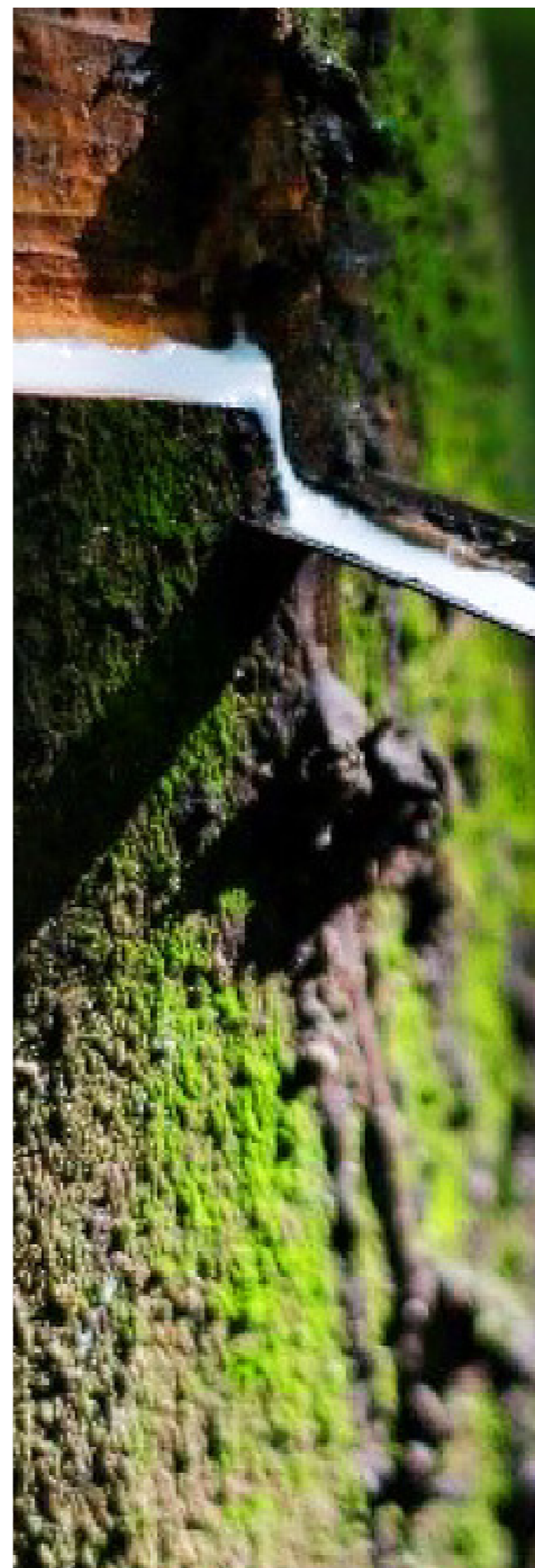
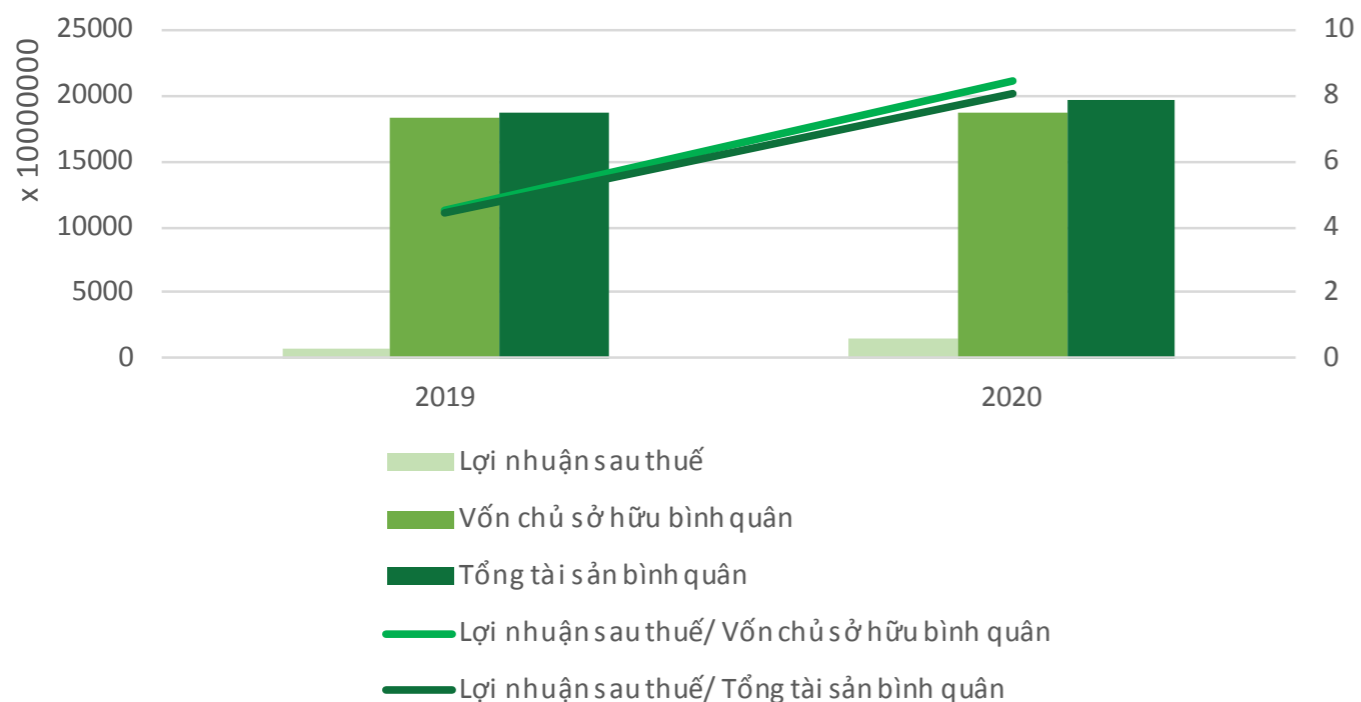
Cả ba chỉ số về khả năng sinh lời tăng mạnh so với năm 2019. Cụ thể Hệ số lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần tăng từ 26,71% năm 2019 lên 82,83%, Hệ số lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân tăng từ 4,52% lên 8,41% và Hệ số lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân tăng từ 4,42% lên 8,02%. Nhờ nguồn thu lớn từ hoạt động thanh lý lô cao su 1993 và số tiền nhận được từ nhà nước bồi thường cho hoạt động quy hoạch xây đường cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây giúp lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 15.733 triệu đồng đạt 189,76% so với năm trước.

Đối mặt với tình hình khó khăn chung của thị trường thế giới hoạt động kinh doanh của Công ty không mấy khả quan và lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh âm làm cho hệ số lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/doanh thu thuần cũng âm. Trong tương lai, nền kinh tế đang từng bước phục hồi trở lại nhờ vào việc kiểm soát tốt dịch bệnh của chính phủ giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty dần trở nên ổn định hơn.

Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng sinh lời



Các yếu tố ảnh hưởng tới khả năng sinh lời



TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Phạm Nam Hưng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Đăng Tấn	Thành viên
3	Ông Đỗ Tấn Điềm	Thành viên
4	Ông Nguyễn Cao Trí	Thành viên
5	Ông Trần Hải Bình	Thành viên

ÔNG PHẠM NAM HƯNG - CHỦ TỊCH HĐQT

Ngày sinh	27/06/1965
Nơi sinh	Hà Nội
Địa chỉ thường trú	21/9B Võ Thị Sáu, P Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	1989 – nay công tác tại Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai. 1995 – 2011: Giữ chức vụ Kế toán trưởng 2011 – nay : Phó Tổng Giám Đốc Tổng công ty
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cao su Công nghiệp kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	PCT HĐQT Công ty TNHH TMDV Quốc tế Big C Đồng Nai

ÔNG NGUYỄN ĐĂNG TẤN- THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày sinh	07/04/1966
Nơi sinh	Quảng Trị
Địa chỉ thường trú	Số 118, đường 21/4, P. Xuân Tân, Tp Long Khánh, Đồng nai
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cao su - Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	1990 – Nay công tác tại Công ty CP cao su công nghiệp. 1990 – 1993 Giữ chức vụ nhân viên phòng Kỹ thuật 1995 – 2004 Đội trưởng Đội cao su Tân Định 2004 – 2012 Đội trưởng Xuân Hòa 2012 - 2013 Trợ lý Giám đốc 2013 – Nay Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	6.700 cổ phần



ÔNG ĐỖ TẤN ĐIỀM - THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày sinh	10/3/1962
Nơi sinh	Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú	KP Cẩm Tân, P. Xuân Tân, Tp.Long Khánh, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	1984 – đến nay công tác tại Công ty CP Cao su công nghiệp. 1984 – 1991 Giữ chức vụ nhân viên P.KHVT 1991 – 1993 Phó phòng KHVT 1993 – 2014 Trưởng phòng KHVT 2014 – Nay Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư Nhơn Trạch
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	5.200 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	3.300 cổ phần

ÔNG TRẦN HẢI BÌNH - THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày sinh	05/10/1960
Nơi sinh	Bến Tre
Địa chỉ thường trú	37/12 Nguyễn Phi Khanh, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác	1984 - 1995 Công tác tại Công ty kho vận ngoại thương 1996 - 2006 Công tác tại Công ty giao nhận Nam Á 2006 – Nay Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Capella
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Capella

ÔNG NGUYỄN CAO TRÍ - THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày sinh	18/8/1970
Nơi sinh	Tp Đà Lạt, Lâm Đồng
Địa chỉ thường trú	20/9 Kỳ Đồng, Phường 9, Quận 3, Tp.HCM
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Kinh tế
Quá trình công tác	1999 - 2005 Giám đốc Đầu tư Công ty Ben Thanh Tourist 2006 - 2014 Tổng Giám đốc Công ty Ben Thanh Land 2014 – Nay Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Capella Holdings
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn Capella Holdings, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Salla, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lothamilk, Tổng Giám đốc Công ty TNHH US, Tổng Giám đốc Talent International – UTI Công ty CP Dịch vụ và nhân lực quốc tế Văn Lang, Tổng giám đốc Công ty TNHH Văn Lang Healthcare, chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Địa ốc Bến Thành.



Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Đăng Tấn	Giám đốc
2	Ông Đỗ Tấn Điềm	Phó Giám đốc
3	Ông Nguyễn Văn Hùng	Kế toán trưởng

Thông tin lý lịch Ông Nguyễn Đăng Tấn và Ông Đỗ Tấn Điềm xem ở phần lý lịch thành viên HĐQT

ÔNG NGUYỄN VĂN HÙNG - KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh	28/5/1963
Nơi sinh	Đồng Nai
Địa chỉ thường trú	Số 66, đường 21/4, P.Xuân Tân, Tp.Long Khánh, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	Năm 1984 – đến nay công tác tại Công ty CP Cao su công nghiệp
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	5.800 cổ phần

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Hồng Loan	Trưởng ban
2	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên
3	Bà Mai Minh Phương	Thành viên

BÀ TRẦN THỊ HỒNG LOAN - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh	20/7/1986
Nơi sinh	Đồng Nai
Địa chỉ thường trú	Số 88, đường 21/4, P.Xuân Tân, Tp.Long Khánh, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	<p>Từ 2010 – đến nay công tác tại Công ty CP Cao su công nghiệp</p> <p>2010 – 2014 Giữ chức vụ kế toán</p> <p>2015 – 2018 Kiểm soát viên</p> <p>2018 – Nay Trưởng Ban kiểm soát</p>
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	5.700 cổ phần



BÀ NGÔ THỊ CẨM HÀ - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh	09/3/1986
Nơi sinh	Đồng Nai
Địa chỉ thường trú	1A/4, KP2, phường Tân Mai, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế - chuyên ngành tài chính doanh nghiệp
Quá trình công tác	Năm 2010 – đến nay Chuyên viên Phòng Kiểm toán nội bộ - Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai (DOFICO)
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Thành viên Ban Kiểm soát tại các công ty thành viên thuộc DOFICO: Công ty CP Nông sản Đồng Nai, Công ty CP Xuất nhập khẩu Đồng Nai.

BÀ MAI MINH PHƯƠNG - THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh	15/3/1981
Nơi sinh	Long An
Địa chỉ thường trú	115/23/18/8 Nguyễn Văn Quá, P. Tân Hưng Thuận, Quận 12, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	2003 - 2008 Kế toán trưởng Công ty thời trang Xinh 2009 – Nay Phó Giám đốc tài chính kế toán Công ty CP Tập đoàn Capella
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Giám đốc tài chính kế toán Công ty CP Tập đoàn Capella

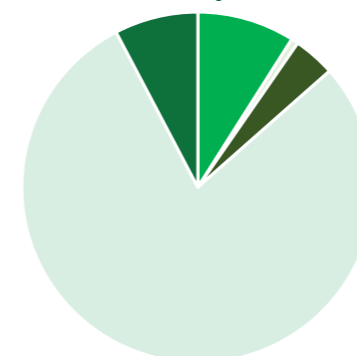
Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2020

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Hoàng Ân	Chủ tịch hội đồng quản trị (miễn nhiệm 01/04/2020)
2	Ông Phạm Nam Hưng	Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm 02/06/2020)

Số lượng cán bộ công nhân viên

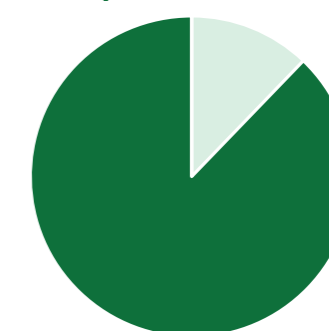
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ	156	100
1	Trên đại học	0	0
2	Đại học	14	8,97
3	Cao đẳng	1	0,64
4	Trung cấp	6	3,85
5	CNKT	123	78,85
6	Khác	12	7,69
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	156	100
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	19	12,18
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	137	87,82
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0

Cơ cấu cán bộ theo trình độ



1 Trên đại học 2 Đại học 3 Cao đẳng 4 Trung cấp 5 CNKT 6 Khác

Cơ cấu cán bộ theo tính chất hợp đồng

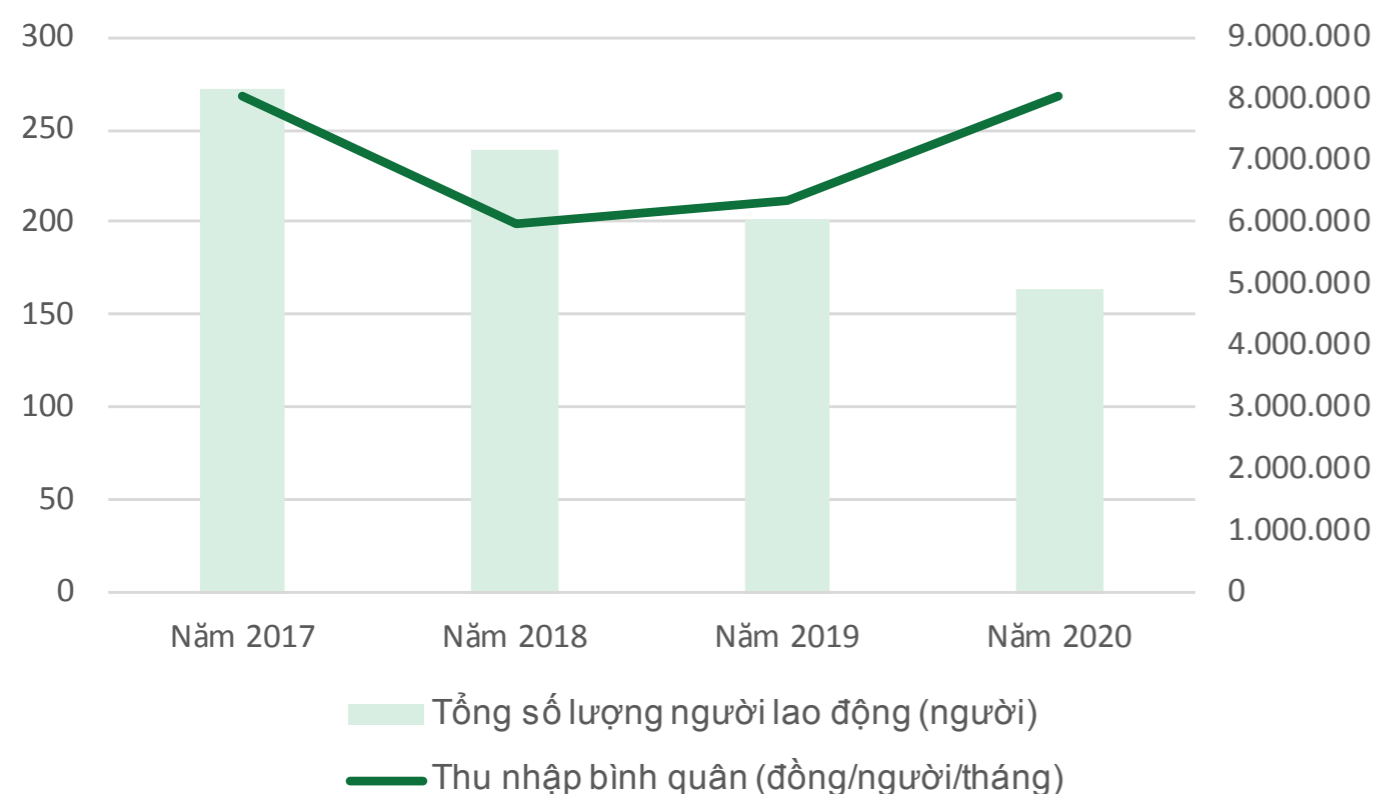


Hợp đồng có xác định thời hạn Hợp đồng không xác định thời hạn
Hợp đồng theo thời vụ

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	272	239	201	164
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.052.000	5.990.000	6.340.000	8.031.000

Thu nhập bình quân của người lao động trong 4 năm



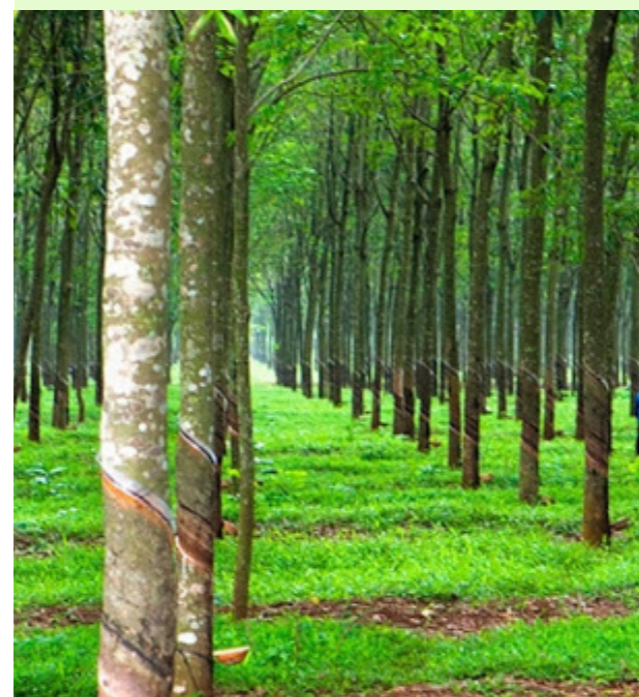
CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng

Chất lượng nhân sự quyết định sự thành bại của Doanh nghiệp và con người là nhân tố đóng vai trò quan trọng trong tổ chức. Nhận thức được điều này Công ty luôn chú trọng đến công tác tuyển dụng nhân sự thông qua việc hoàn thiện chính sách phúc lợi, đãi ngộ tốt nhất cho cán bộ, nhân viên.

Công ty không tuyển dụng lao động nhỏ hơn 18 tuổi dưới mọi hình thức, đảm bảo thực hiện đúng cam kết khi tuyển dụng nhân sự cho tổ chức.

Hàng năm căn cứ vào nhu cầu công việc, căn cứ vào kế hoạch hoạt động và các mục tiêu ngắn hạn và dài mà Công ty có kế hoạch tuyển dụng nhân sự.



Môi trường công việc

Công ty luôn cố gắng tạo môi trường thân thiện giữa các cấp lãnh đạo với nhân viên thúc đẩy mọi người thể hiện bản thân góp phần xây dựng tổ chức, chủ động tạo các cuộc thảo luận mở để khuyến khích các cá nhân tham gia giúp họ chia sẻ quan điểm nhìn nhận của mình về cách thực hiện để đạt được mục tiêu đặt ra.

Về đào tạo

Công ty tổ chức thực hiện các khóa đào tạo cho mỗi nhóm công việc khác nhau nhằm nâng cao năng lực của mỗi cá nhân, giúp các cá nhân cập nhật kiến thức áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như khả năng ứng phó khi gặp trường hợp khẩn cấp; Vạch ra lộ trình đào tạo và phát triển rõ ràng tạo cho CBCNV duy trì và nâng cao năng suất của tổ chức



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty luôn tuân thủ quy định thanh toán lương theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của chính phủ và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ lao động Thương binh và Xã hội về hướng dẫn quy định lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Phát động các phong trào thi đua trong từng lĩnh vực một cách có hiệu quả. Song song đó là chú trọng khen thưởng kịp thời tạo đòn bẩy, kích thích NLD phấn khởi trong lao động sản xuất.

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ chính sách phúc lợi đối với người lao động như: thực hiện các loại bảo hiểm như BHYT, BHXH, BHTN,... đồng thời có chế độ khen thưởng hấp dẫn đối với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh, truyền cảm hứng lao động cho mọi người cùng nhau tham gia xây dựng tổ chức. Ngoài ra, hàng năm Công ty luôn tổ chức tham quan nghỉ mát, tổ chức các hội thi, phát động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao giúp các thành viên trong tổ chức gắn bó, thân thiết đoàn kết hơn trong công việc.

Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

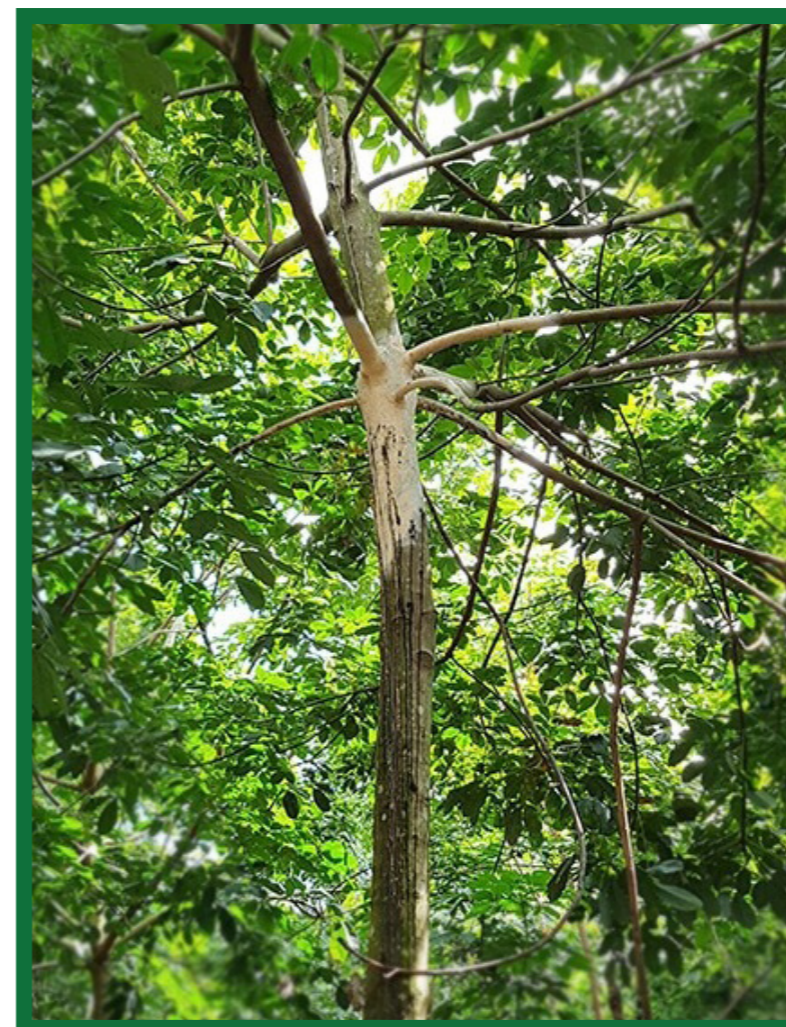
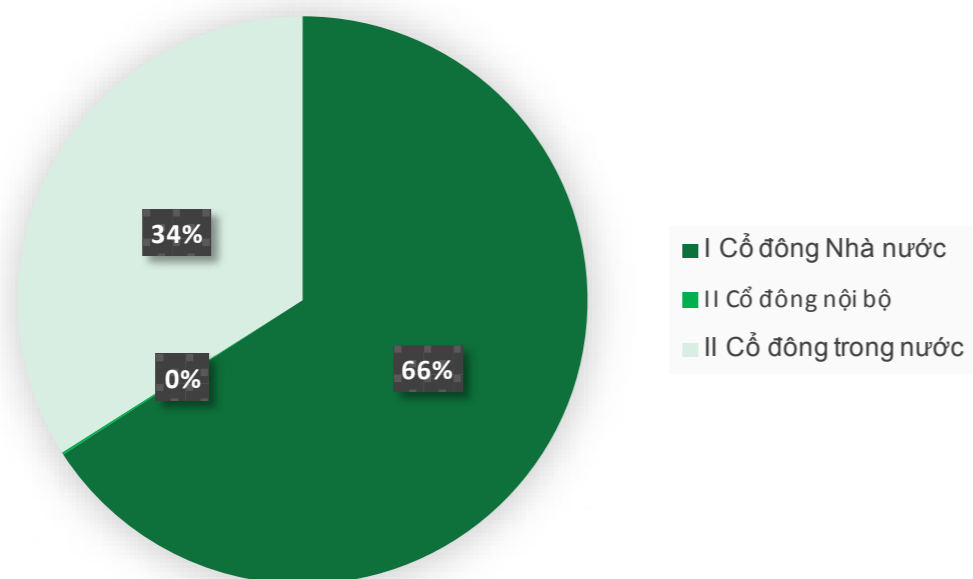
Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:	17.500.000
• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	17.500.000
• Số lượng cổ phiếu quỹ:	0 cổ phiếu
Loại cổ phần:	cổ phần thường
Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu(%)
I	Cổ đông Nhà nước	11.523.600	115.236	65,85
II	Cổ đông nội bộ	23.400	234	0,13
II	Cổ đông trong nước	5.953.000	59.530	34,02
1	Cá nhân	3.328.000	33.280	19,02
2	Tổ chức	2.625.000	26.250	15
Tổng cộng		17.500.000	17.500	100

Cơ cấu cổ đông



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Cao su thiên nhiên là nguồn nguyên liệu đầu vào vô cùng quan trọng. Chúng quyết định số lượng hành phẩm được tạo ra đồng thời tác động đến giá trị doanh thu của Công ty trong năm, dựa vào việc sử dụng chúng có hiệu quả hay không. Hiểu rõ được tầm quan trọng này, Công ty luôn có chính sách theo dõi, kiểm soát nguồn nguyên liệu trong quá trình thu hoạch. Đồng thời tính toán trước sản lượng thu hoạch dựa vào khảo sát tình hình thực tế, nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu được tận dụng một cách tối ưu đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty thực hiện tốt chính sách bảo vệ môi trường, đảm bảo thực hiện quy trình xử lý chất thải nghiêm ngặt và thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn an toàn vệ sinh cũng như tổ chức lớp tập huấn PCCC cho đội ngũ CBCNV. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật và các quy định về môi trường: không
Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

Tiêu thụ nước

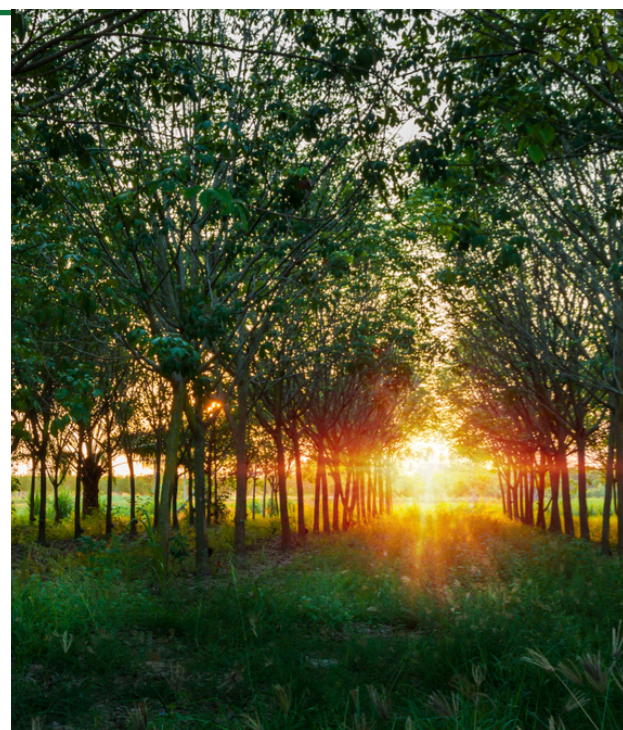
Hoạt động chủ đạo của doanh nghiệp là trồng và khai thác cao su, vì vậy nước là thành phần không thể thiếu trong hoạt động này để tạo ra thành phẩm cho doanh nghiệp. Ý thức được tầm quan trọng mà nguồn nước đem lại, Công ty luôn có chính sách sử dụng nguồn nước một cách tối ưu, nhằm giảm chi phí trong hoạt động sản xuất và tiết kiệm nguồn nước sạch cho người dân trong mùa khô. Công ty đã chủ động thực hiện tuyên truyền cho CBCNV trong tổ chức thực hiện tiết kiệm nước, chỉ dùng đúng nơi, đúng mục đích.

Chính sách liên quan đến người lao động

Con người là cốt lõi của doanh nghiệp, vì vậy doanh nghiệp luôn chủ trương tổ chức các buổi huấn luyện, đào tạo CBCNV không chỉ tri thức để áp dụng vào hoạt động sản xuất mà còn cả kỹ năng mềm. Điều này giúp mọi người có chuyên môn để xử lý những vấn đề cấp thiết, tối thiểu hóa hư tổn khi gặp sự cố. Công ty phối hợp với Bệnh viện đa khoa các huyện, thị trấn để chăm lo sức khỏe cho cán bộ công nhân trong địa bàn, tổ chức tốt việc khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV theo quy định, trong đó đặc biệt quan tâm đến sức khỏe lao động nữ. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hộ lao động được thực hiện rất tốt. Đồng thời trang bị bảo hộ lao động được đảm bảo theo quy định của Pháp luật

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Nhằm tạo cơ hội để mọi người có cuộc sống tốt hơn, Công ty đã thực hiện gây quỹ khuyến học trao học bổng khuyến khích học tập đối với các hộ gia đình công nhân trong tổ chức có con đạt thành tích tốt ở trường, hỗ trợ tiền cũng như hiện vật cho những gia đình gặp khó khăn, thực hiện hỗ trợ phát quà tết đối với các cụ già neo đơn, gia đình thương binh liệt sỹ, mái ấm tình thương...



3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức

và chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường

và xã hội của công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

THUẬN LỢI

Được sự quan tâm chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Tổng công ty, các ngành, các cấp và các địa phương nơi có vườn cây cao su đứng chân Đảng bộ, Hội đồng quản trị, Giám đốc đã có những giải pháp hiệu quả, kịp thời quản lý, lãnh đạo Công ty vượt qua khó khăn, giữ vững ổn định sản xuất kinh doanh.

Nội bộ đoàn kết, CBCNV Công ty đã chủ động nêu cao tinh thần vượt qua khó khăn, tiếp tục phát động và thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, phấn đấu thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Vườn cây cao su được bảo vệ và chăm sóc, khai thác đúng quy trình kỹ thuật, nguồn lực tài chính ổn định, đảm bảo cho hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả trong lúc gặp khó khăn.

KHÓ KHĂN

Hoạt động sản xuất kinh doanh bị thu hẹp bởi hoạt động giãn cách xã hội, nền kinh tế trong nước gặp khó khăn khiến cho tổng doanh thu bán mủ thành phẩm năm 2020 giảm 12.043 triệu đồng so với cùng kỳ năm ngoái và các nguồn doanh thu từ sản phẩm khác cũng giảm.

Trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, kéo theo các yếu tố kinh tế không thuận lợi nên hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành sản xuất cao su gặp nhiều khó khăn, giá bán liên tục giảm, tiêu thụ sản phẩm chậm.

Sản lượng năm 2020 giảm so với năm 2019 do vườn cây già cỗi năng suất thấp, thời tiết khắc nghiệt mưa bão và thiếu lao động do lương thấp phần lớn chuyển sang các khu công nghiệp gần địa phương, chất lượng lao động không đảm bảo.

Địa bàn cao su phân tán trên nhiều huyện nên công tác quản lý và bảo vệ vườn cây, sản phẩm còn nhiều bất cập, một số lô cao su trên vùng đất xấu bị chết ảnh hưởng tới năng suất, sản lượng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

Tổng doanh thu đạt được : 49.332 triệu đồng
 Tổng lợi nhuận sau thuế : 15.733 triệu đồng

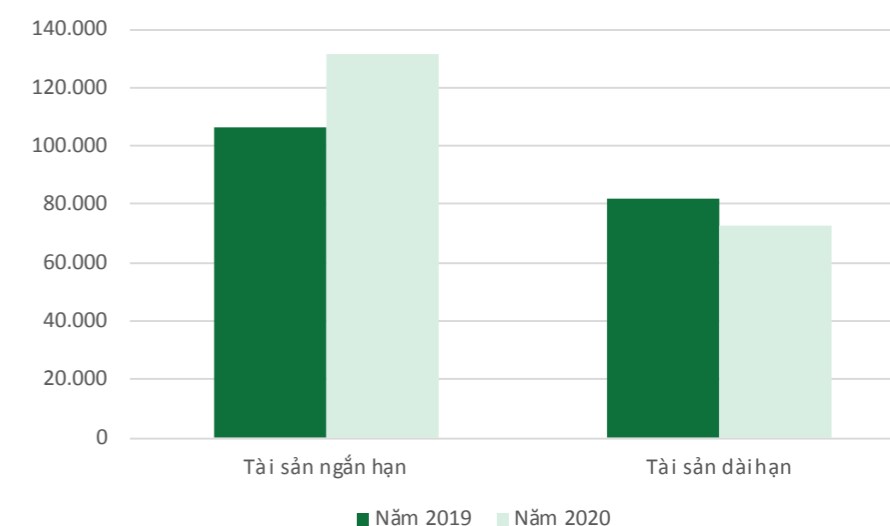
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/ 2019 %
Tài sản ngắn hạn	106.327	131.270	123,5
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.864	13.790	86,93
Đầu tư tài chính ngắn hạn	64.200	86.300	134,43
Các khoản phải thu ngắn hạn	986	571	57,85
Hàng tồn kho	25.235	30.544	121,04
Tài sản ngắn hạn khác	43	65	151,16
Tài sản dài hạn	81.871	72.772	88,89
Tài sản cố định	53.096	45.103	84,95
Tài sản dở dang dài hạn	3.111	3.919	123,97
Đầu tư tài chính dài hạn	23.750	23.750	100
Tài sản dài hạn khác	1.914	-	-
Tổng tài sản	188.199	204.042	108.42

Cơ cấu tài sản



Tổng tài sản tăng 8,42% so với 2019 tập trung chủ yếu ở tài sản ngắn hạn đạt 123,5% so với năm 2019. Nguyên nhân chính là do hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn tăng và chiếm 65,74% tổng tài sản của Công ty. Thêm vào đó tài sản cố định của Công ty giảm 15,41% so với 2019 do hoạt động thanh lý lô cao su 1993 và quỹ đất của Công ty (nhà nước thực hiện quy hoạch cho hoạt động xây dựng đường cao tốc Phan Thiết – Dầu Giây).

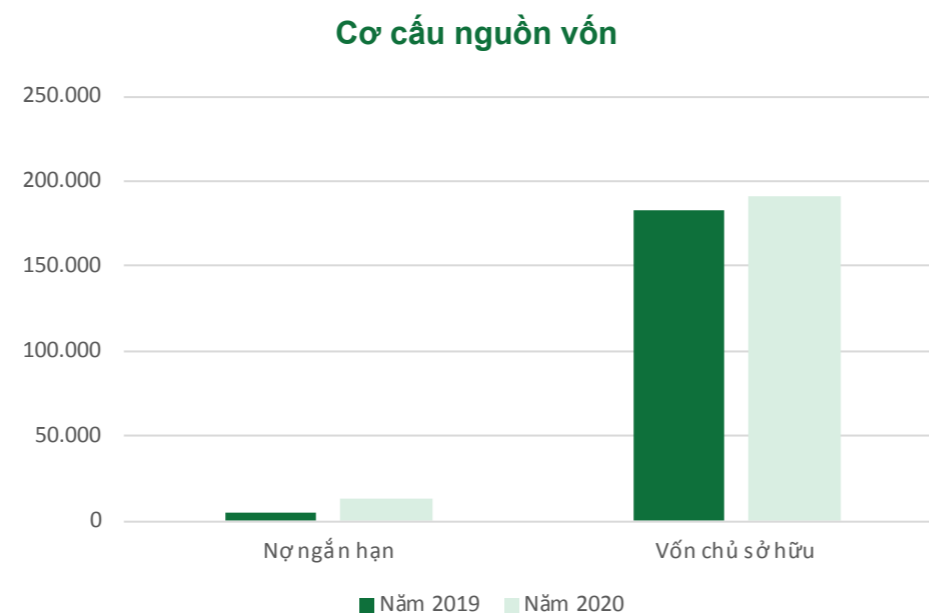


Tình hình nguồn vốn

Đvt: Triệu đồng

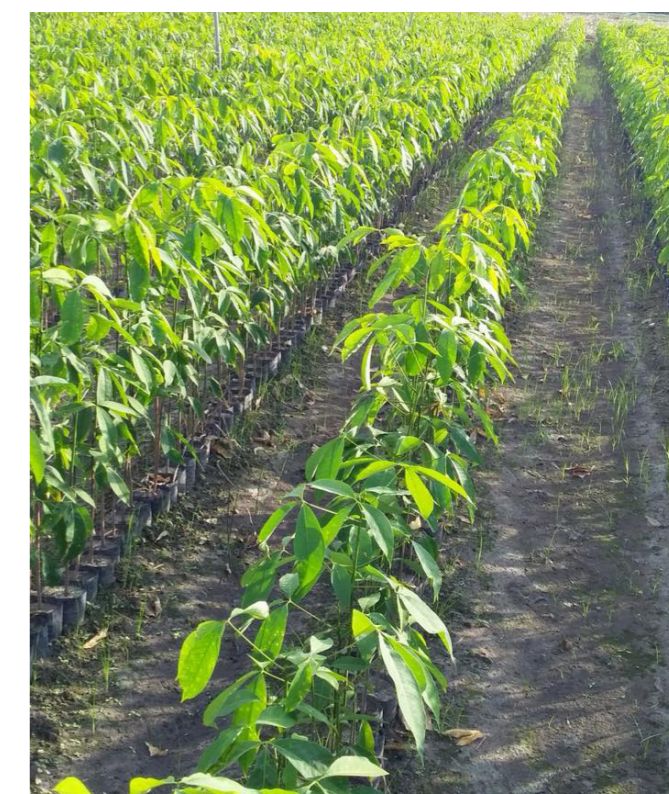
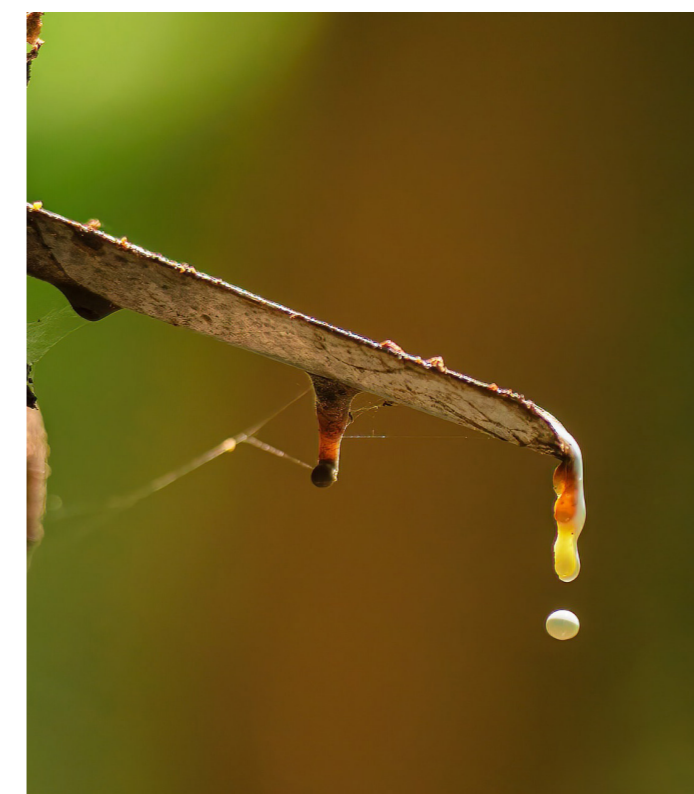
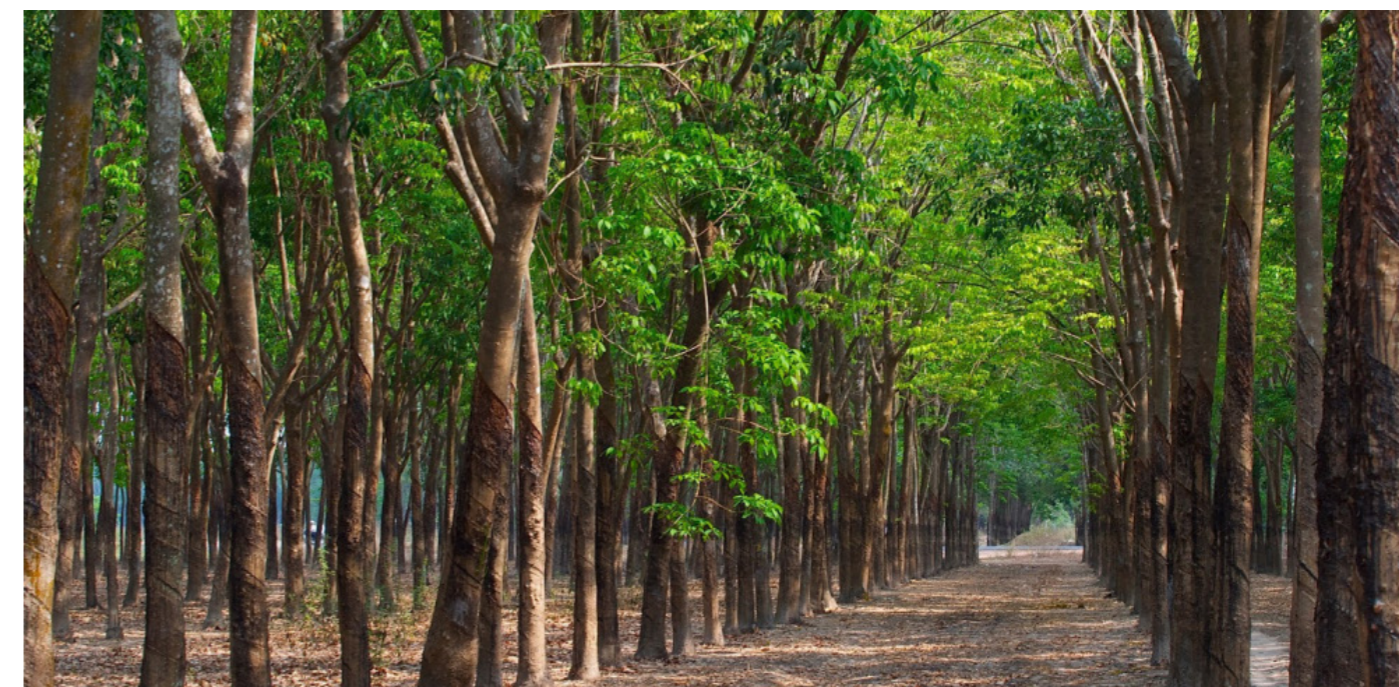
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	TH 2020/ 2019 (%)
Nợ phải trả	4.904	13.306	271,33
Nợ ngắn hạn	4.904	13.306	271,33
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.153	2.554	221,51
Phải trả người lao động	2.528	6.287	248,694
Chi phí phải trả ngắn hạn	43	43	100
Phải trả ngắn hạn khác	703	3.008	427,88
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	478	1.414	295,82
Vốn chủ sở hữu	183.295	190.736	104,06
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.000	175.000	100
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.295	15.736	189,70
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	2	3	150
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	8.291	15.733	189,76
Tổng nguồn vốn	188.199	204.042	108,42

Trong năm 2020 nguồn vốn của Công ty đạt 108,42% so với năm 2019, tập trung chủ yếu ở khoản phải trả người lao động đạt 248,69% so với năm 2019 và chiếm 47,06% tổng nợ phải trả của doanh nghiệp. Lợi nhuận đạt 15.736 triệu đồng tăng 89,7% so với cùng kỳ năm trước giúp cho vốn chủ sở hữu của công ty đạt 144,06% so với năm 2019. Sự biến động này khiến cho cơ cấu nguồn vốn của công ty trong năm 2020 có phần thay đổi nhẹ.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tăng cường công tác quản lý, sắp xếp lao động phù hợp, tiết kiệm hiệu quả;
 Tổ chức các lớp huấn luyện nghiệp vụ, huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động;
 Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật do Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam ban hành, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật và những kinh nghiệm vào sản xuất, trang bị mái che mưa, bón phân đầy đủ đúng quy trình; chăm sóc tốt vườn cây kiến thiết cơ bản;
 Tăng cường quản lý vườn cây, quản lý sản phẩm; tích cực phối hợp với các ngành chức năng và chính quyền địa phương đẩy lùi nạn trộm cắp cao su.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

STT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2021	KH2021/TH2020
1	Cao su tờ sản xuất	Tấn	450	92,35%
2	Cao su tờ tiêu thụ	Tấn	670	136,46%
3	Doanh thu	Trđ	50.839	103,05%
4	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	4.000	21,81%
5	Lợi nhuận sau thuế	Trđ	3.200	20,34%
6	Vốn chủ sở hữu	Trđ	175.000	100%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ VSCH	%	1.83	20,36%
8	Nộp NS Nhà nước	Trđ	7.636	144,95%
9	Trồng mới & chăm sóc cao su	Ha	126,69	160,18%

Hoạt động đầu tư

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Trồng tái canh 47,6 ha cao su	2,202
2	Chăm sóc 79,09 ha cao su KTCB	1,578
3	Máy móc thiết bị, nhà xưởng	1



Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

- Quỹ đầu tư phát triển: không trích
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi thực hiện theo Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, Thông tư 28/2016/TT-BLĐT-BXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Chia cổ tức năm 2021: chia hết lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ

Biện pháp triển khai thực hiện

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, tranh thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên, các ngành các cấp và các địa phương;
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, điều chỉnh bổ sung hệ thống quy chế quản lý, định mức kỹ thuật... phù hợp với các quy định của Nhà nước và thực tế của đơn vị;
- Nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm của HĐQT, Ban điều hành để lãnh đạo Công tác hoàn thành tốt các mục tiêu kế hoạch. Triệt để thực hành tiết kiệm, chống các biểu hiện hình thức phô trương, lãng phí, luôn đặt lợi ích của Nhà nước, của Công ty, của người lao động ở vị trí cao nhất;
- Duy trì tình hình minh bạch, chính xác và đúng pháp luật;
- Tăng cường công tác bảo vệ, phòng trừ dịch bệnh, thâm canh tăng năng suất vườn cây;
- Thực hiện chế độ khai thác phù hợp với tuổi cây, điều kiện từng nơi, để đảm bảo kế hoạch sản lượng hàng năm và lâu dài;
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm cao su tờ, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu, thị hiếu của khách hàng;
- Bảo đảm giữ được khách hàng truyền thống, thực hiện phương án tiêu thụ hợp lý vừa đảm bảo doanh thu, lợi nhuận, vừa có tính kế thừa tích lũy của những năm tiếp theo; nắm bắt và làm chủ thông tin, phân tích và dự báo tình hình thị trường nhằm hạn chế tối đa rủi ro và thất thoát cho đơn vị;
- Nâng cao ý thức trách nhiệm tinh gương mẫu, tinh thần chủ động của đội ngũ cán bộ, tăng cường công tác kiểm tra giám sát, quản lý chặt chẽ các khâu công việc, phát hiện và đề xuất các biện pháp giải quyết kịp thời các sai sót, khó khăn, vướng mắc trong sản xuất;
- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho người lao động;
- Các tổ chức đoàn thể phấn đấu cải tiến phương thức hoạt động, góp phần hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển.

4

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm, tổng doanh thu đã vượt so với kế hoạch đặt ra và đạt 154,02% so với kế hoạch. Tuy nhiên do sự ảnh hưởng của dịch bệnh làm cho sản lượng tiêu thụ của RSS giảm nhẹ so với kế hoạch và đạt 99,19%.

Về tài chính cơ cấu nguồn vốn có sự thay đổi nhẹ do các khoản phải trả người lao động tăng lên (quỹ lương cho người lao động tăng lên do dự toán doanh thu bán cây cao su tăng từ 450 nghìn đồng/cây lên 1,2 triệu đồng/cây và nợ chiếm tăng 6,52% vốn chủ sở hữu cũng giảm tương ứng. Thu nhập khác của công ty tăng mạnh do hoạt động thanh lý vườn cây cao su già (lô 1993), nhờ đó các chỉ số tài chính trong năm hầu hết được cải thiện đáng kể

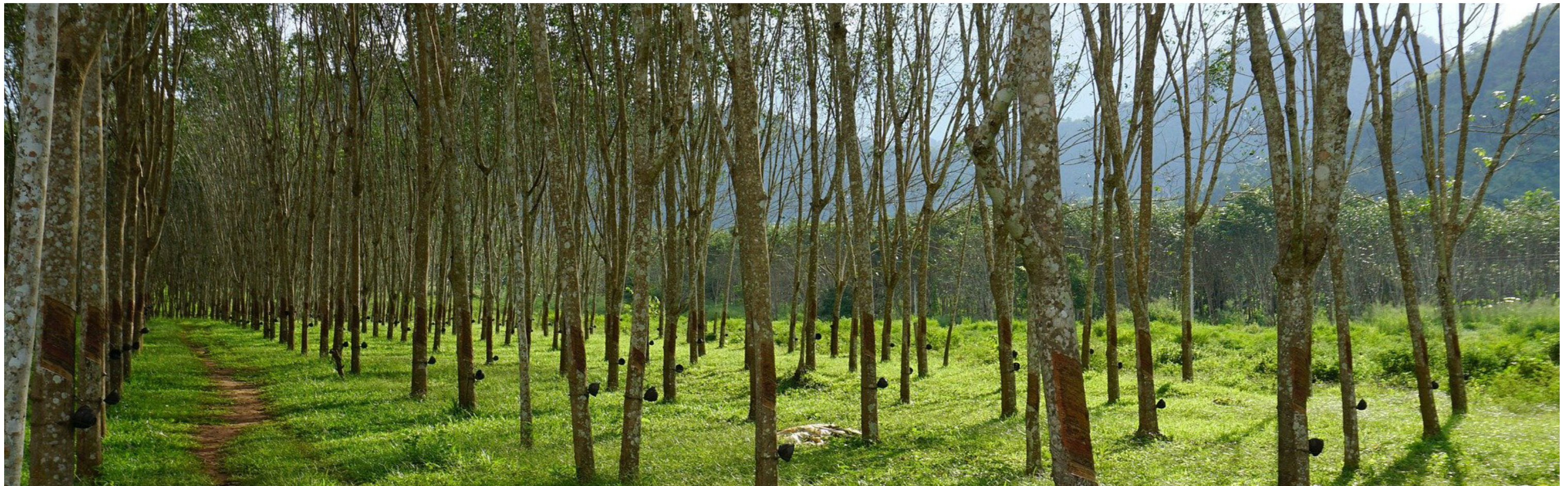


ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban giám đốc đều có trình độ, năng lực, phẩm chất, được đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, nắm vững lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành cơ sở

Tổng giám đốc quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng phó Tổng giám đốc để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện và định hướng công việc trong thời gian tới.

Ban tổng giám đốc đã triển khai cụ thể các hoạt động SXKD của Công ty, phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật;



5

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phạm Nam Hưng	Chủ tịch	0	0
2	Ông Nguyễn Đăng Tấn	Thành viên	6.700	0,04
3	Ông Đỗ Tấn Điềm	Thành viên	5.200	0,03
4	Ông Nguyễn Cao Trí	Thành viên	0	0
5	Ông Trần Hải Bình	Thành viên	0	0

CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Nam Hưng	Chủ tịch	03/04	75%	Bổ nhiệm 27/5/2020
2	Ông Nguyễn Đăng Tấn	Thành viên	03/04	100%	
3	Ông Đỗ Tấn Điềm	Thành viên	03/04	100%	
4	Ông Nguyễn Cao Trí	Thành viên	03/04	50%	Công tác đột xuất
5	Ông Trần Hải Bình	Thành viên	03/04	75%	Công tác đột xuất

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	44A/BB-HĐQT	1/14/2020	Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 Kế hoạch SXKD năm 2020 Kế hoạch thanh lý lô cao su già 1993 Tình hình phân phối quỹ và khen thưởng CBCNV Dự kiến thời gian tổ chức ĐHĐCĐ Tình hình phân công trực lãnh đạo, bảo vệ, công nhân để PCCC kho sản phẩm, vườn cây khai thác, VP. Tình hình dọn dẹp vườn cây sau khi hết mùa sản xuất
2	228A/BB-HĐQT	7/15/2020	Báo cáo tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2020 Phương hướng nhiệm vụ quý III/2020 Tiêu thụ mũ tồn kho năm 2017. 2018 Hợp tác đầu tư trồng mì trên diện tích 43,83 ha Thanh lý 22 ha trà Thù lao HĐQT
3	265/QĐ-HĐQT	9/1/2020	Thanh lý và bán đấu giá cây cao su chết, gãy đổ
4	296/QĐ-HĐQT	10/6/2020	Đầu tư mua hệ thống máy sấy ẩm
5	322/NQ-HĐQT	11/5/2020	Thanh lý và bán cây trà trong dự án đường cao tốc PT-DG
6	327/NQ-HĐQT	11/19/2020	Chủ trương thanh lý 47,6 ha cây cao su già 1993 Điều chỉnh chỉ tiêu về kế hoạch SXKD và dự kiến chia cổ tức năm 2020 Dự kiến tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020
7	328/NQ-HĐQT	11/19/2020	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ bất thường và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020
8	351/NQ-HĐQT	12/11/2020	Điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch SXKD và dự kiến chia cổ tức năm 2020 Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường năm 2020 Thanh lý lô cao su 1993 với diện tích 47,6 ha Thanh lý cây cao su gãy đổ, chết khô

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Trần Thị Hồng Loan	Trưởng ban	5.700	0,03
2	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên	0	0
3	Bà Mai Minh Phương	Thành viên	0	0

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Trần Thị Hồng Loan	01/01	100%
2	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	01/01	100%
3	Bà Mai Minh Phương	01/01	100%



Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định, đảm bảo lợi ích của Công ty và các cổ đông.

HĐQT đã tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

HĐQT họp định kỳ hằng quý, họp bất thường khi cần thiết do chủ tịch HĐQT chủ trì.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham dự. Các biên bản họp của HĐQT đều được thông qua với sự đồng ý của tất cả các thành viên, được Ban điều hành triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời.

HĐQT Công ty luôn bám sát các hoạt động của Ban Giám đốc, kịp thời đưa ra các định hướng và chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Thực hiện báo cáo, công bố thông tin đúng quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

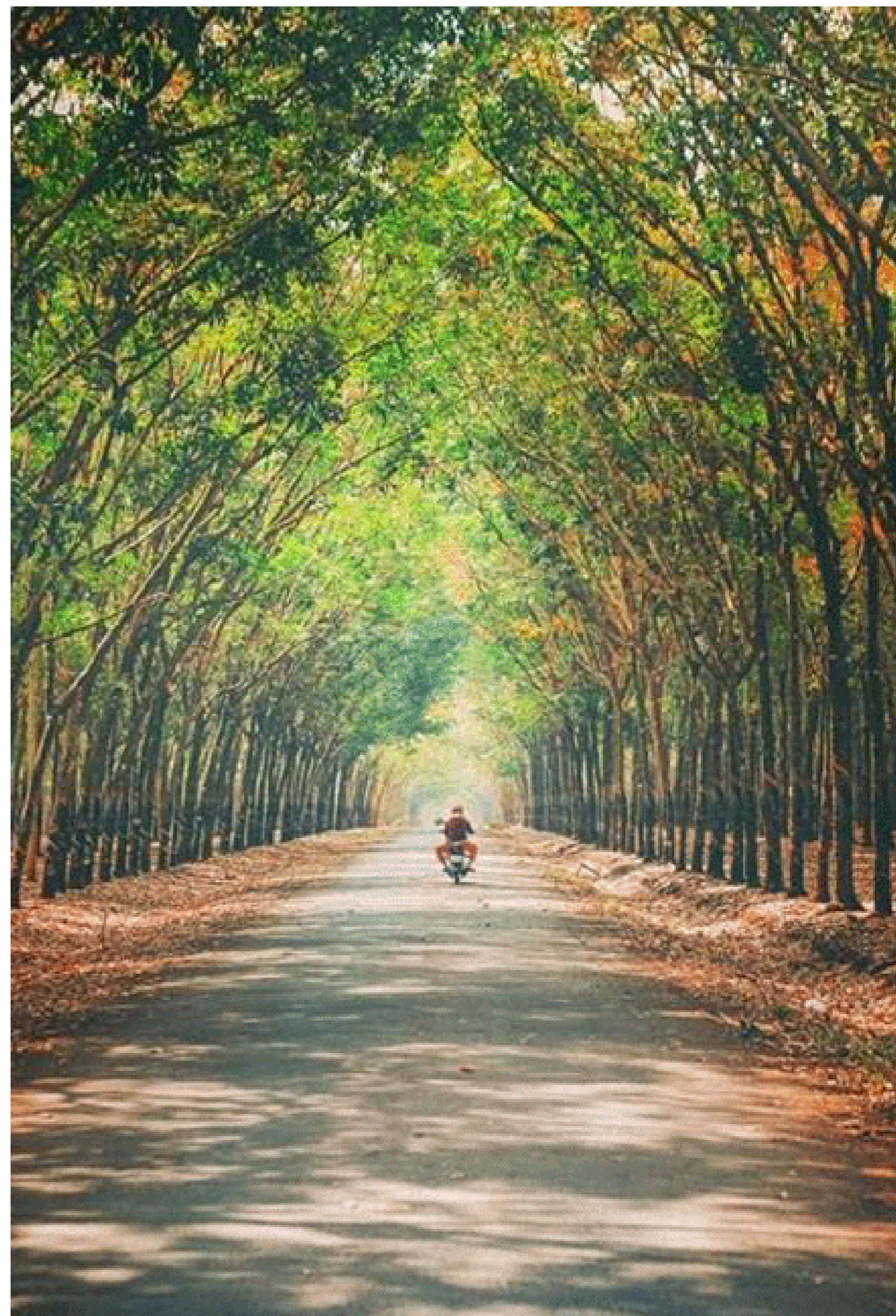
Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận được bất cứ yêu cầu nào để cần phải có quyết định kiểm tra bất thường đối với các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương	Thưởng
I	Hội đồng quản trị				
1	Trịnh Hoàng Ân	Chủ tịch HĐQT		169.000.000	100.000.000
2	Nguyễn Cao Trí	Thành viên HĐQT	76.433.000		52.500.000
3	Trần Hải Bình	Thành viên HĐQT	76.433.000		52.500.000
4	Phạm Nam Hưng	Chủ tịch HĐQT	47.600.000		
5	Nguyễn Đăng Tấn	Thành viên HĐQT	76.433.000		94.900.000
6	Đỗ Tấn Điềm	Thành viên HĐQT	76.433.000		82.400.000
II	Ban kiểm soát				
1	Trần Thị Hồng Loan	TB Kiểm soát		230.000.000	64.687.867
2	Mai Minh Phương	Thành viên BKS	39.825.000		26.000.000
3	Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS	39.824.700		26.000.000
III	Ban điều hành				
1	Nguyễn Đăng Tấn	Giám đốc		343.500.000	
2	Đỗ Tấn Điềm	Phó Giám đốc		309.150.000	
3	Nguyễn Văn Hùng	Kế toán trưởng		306.150.000	78.400.000
Tổng cộng			432.981.700	1.357.800.000	577.387.867

Giao dịch với các bên có liên quan được chi tiết tại mục 26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN thuyết minh Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Cao su Công nghiệp năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.



6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU CÔNG NGHIỆP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(đã được kiểm toán)

Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp
Số 14, đường 21 tháng 4, phường Xuân Tân,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp là Công ty TNHH Một thành viên Cao su Công nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cao su Công nghiệp là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai thành lập theo Quyết định số 5509/QĐ.CT.UBT ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600259017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01 tháng 03 năm 2018, thay đổi lần thứ bảy ngày 16 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 14, đường 21 tháng 4, phường Xuân Tân, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Nam Hưng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 05 năm 2020
Ông Trịnh Hoàng Ân	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 05 năm 2020
Ông Nguyễn Đăng Tấn	Ủy viên	
Ông Đỗ Tấn Điềm	Ủy viên	
Ông Nguyễn Cao Trí	Ủy viên	
Ông Trần Hải Bình	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đăng Tấn	Giám đốc
Ông Đỗ Tấn Điềm	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Hồng Loan	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên
Bà Mai Minh Phương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp

Số 14, đường 21 tháng 4, phường Xuân Tân,
thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2021

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Đăng Tấn



Số: 170321.002 /BTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp được lập ngày 18 tháng 01 năm 2021, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2021



Giám đốc

Trần Trung Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thái

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1623-2018-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam A member of HLB International

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		131.270.391.946	106.327.404.852
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	13.789.972.469	15.863.570.272
111	1. Tiền		2.689.972.469	1.863.570.272
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.100.000.000	14.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	86.300.000.000	64.200.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		86.300.000.000	64.200.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		570.885.824	986.648.958
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	-	113.154.986
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	18.975.000	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	551.910.824	873.493.972
140	IV. Hàng tồn kho	08	30.544.550.219	25.234.539.426
141	1. Hàng tồn kho		30.544.550.219	25.234.539.426
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		64.983.434	42.646.196
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	64.983.434	42.646.196
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		72.771.559.792	81.871.241.554
220	II. Tài sản cố định		45.102.914.262	53.095.612.346
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	45.102.914.262	53.095.612.346
222	- Nguyên giá		99.866.395.136	107.854.622.827
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(54.763.480.874)	(54.759.010.481)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.918.645.530	3.110.696.827
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	3.918.645.530	3.110.696.827
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	23.750.000.000	23.750.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.750.000.000	23.750.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	1.914.932.381
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	1.914.932.381
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		204.041.951.738	188.198.646.406

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		13.306.338.333	4.904.063.072
310	I. Nợ ngắn hạn		13.306.338.333	4.904.063.072
313	1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	2.554.709.393	1.152.715.467
314	2. Phải trả người lao động		6.287.008.654	2.527.928.900
315	3. Chi phí phải trả ngắn hạn		42.500.000	42.500.000
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	12	3.008.257.610	703.173.195
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.413.862.676	477.745.510
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		190.735.613.405	183.294.583.334
410	I. Vốn chủ sở hữu	13	190.735.613.405	183.294.583.334
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		175.000.000.000	175.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		175.000.000.000	175.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.735.613.405	8.294.583.334
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.514.793	3.691.095
421b	LNST chưa phân phối năm nay		15.733.098.612	8.290.892.239
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		204.041.951.738	188.198.646.406

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Thang

Nguyễn Văn Hùng



Vũ Đức Thang

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Đăng Tấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	18.995.973.885	31.039.101.652
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.995.973.885	31.039.101.652
11	4. Giá vốn hàng bán	16	21.409.722.090	27.155.388.697
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(2.413.748.205)	3.883.712.955
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17	5.332.518.815	7.335.500.043
22	7. Chi phí tài chính		-	7.906.849
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		73.775.909	64.014.000
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	9.498.299.901	7.689.539.194
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.653.305.200)	3.457.752.955
31	11. Thu nhập khác	19	25.003.532.061	6.331.715.849
32	12. Chi phí khác		10.598.889	2.579.593
40	13. Lợi nhuận khác		24.992.933.172	6.329.136.256
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.339.627.972	9.786.889.211
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	2.606.529.360	1.495.996.972
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		15.733.098.612	8.290.892.239
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	899	474

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Manoy

Nguyễn Văn Hùng



Vũ Đức Thắng

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Đăng Tấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.339.627.972	9.786.889.211
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.037.636.236	4.175.461.047
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(28.598.278.149)	(13.663.951.892)
06	- Chi phí lãi vay		-	7.906.849
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.221.013.941)	306.305.215
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		71.842.748	83.510.199
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.310.010.793)	(730.773.223)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		5.654.191.851	1.917.988.895
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.914.932.381	704.217.613
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(7.906.849)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(794.563.116)	(1.996.532.498)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.508.451.375)	(3.371.140.786)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.193.072.245)	(3.094.331.434)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(901.948.703)	(2.138.444.008)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		27.314.821.182	9.100.683.500
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.100.000.000)	(3.800.000.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.654.101.963	8.295.579.633
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		9.966.974.442	11.457.819.125
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	1.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(1.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(4.847.500.000)	(5.005.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(4.847.500.000)	(5.005.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

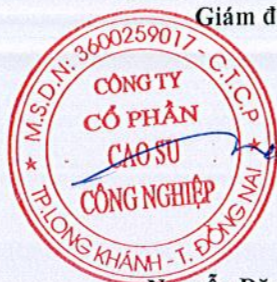
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.073.597.803)	3.358.487.691
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.863.570.272	12.505.082.581
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	13.789.972.469	15.863.570.272

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Đức Thắng

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Đăng Tấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tiền thân của Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp là Công ty TNHH Một thành viên Cao su Công nghiệp được chuyển đổi từ Công ty Cao su Công nghiệp là Doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai thành lập theo Quyết định số 5509/QĐ.CT.UBT ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600259017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 01 tháng 03 năm 2018, thay đổi lần thứ bảy ngày 16 tháng 06 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 14, đường 21 tháng 4, phường Xuân Tân, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 175.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 175.000.000.000 đồng; tương đương 17.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 169 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 206 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Nông, lâm nghiệp và bất động sản.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Trồng cây cao su: Sản xuất giống, trồng và chăm sóc cây cao su. Khai thác, sơ chế cao su tờ xông khói (RSS), cao su Crepes;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh sản phẩm gỗ cao su;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn sản phẩm (mủ) cao su;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Bán buôn củi cao su;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu: Dịch vụ tư vấn phát triển cao su dân doanh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu dân cư.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, thị trường cao su biến động theo xu hướng tiêu cực nên sản lượng mù thành phẩm bán ra và giá bán giảm đáng kể so với năm trước dẫn đến doanh thu và giá vốn bán mù thành phẩm năm nay giảm mạnh. Do vậy, lợi nhuận gộp về bán hàng năm 2020 lỗ 2,4 tỷ đồng và giảm 6,3 tỷ đồng tương ứng giảm 162,15% so với năm trước. Tuy nhiên, trong năm 2020 Công ty thực hiện thanh lý các lô cao su già cỗi, năng suất thấp nên phát sinh thu nhập khác là 25 tỷ đồng dẫn đến lợi nhuận trước thuế tăng 87,39% so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm tài chính: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

HI
CÓN
IẢN
UÁN

HI
CÓN
IẢN
UÁN

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08	năm
- Vườn cây lâu năm	20	năm

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí trồng và chăm sóc cây cao su, tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Chính sách ưu đãi thuế
Theo Khoản 5, Điều 11, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính phủ, Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Trong năm 2020, Công ty là đối tượng được hưởng ưu đãi thuế giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của kỳ tính thuế năm 2020 theo quy định của Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ do có tổng doanh thu trong năm 2020 dưới 200 tỷ đồng.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành
Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản và mức thuế suất 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh khác có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.18 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.20 . Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là trồng, khai thác, sơ chế cao su và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	283.457.442	108.269.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.406.515.027	1.755.301.272
Các khoản tương đương tiền ^(*)	11.100.000.000	14.000.000.000
	13.789.972.469	15.863.570.272

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm:

Tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Long Khánh, số tiền 6.500.000.000 đồng, lãi suất từ 3,0 đến 3,5%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Long Khánh, số tiền 1.000.000.000 đồng, lãi suất 3,3%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 3,3%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Tân Định, số tiền 1.600.000.000 đồng, lãi suất 4,0%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	86.300.000.000	-	64.200.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	86.300.000.000	-	64.200.000.000	-
	86.300.000.000	-	64.200.000.000	-

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm:

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 17.000.000.000 đồng, lãi suất từ 6,3 đến 6,75%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Long Khánh, số tiền 3.500.000.000 đồng, lãi suất từ 3,3%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 11.500.000.000 đồng, lãi suất từ 5,5 đến 6,05%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Tân Định, số tiền 32.300.000.000 đồng, lãi suất 6,3 đến 7,4%/năm.

Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đồng Nai, số tiền 22.000.000.000 đồng, lãi suất từ 6,2 đến 7,0%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	23.750.000.000	-	23.750.000.000	-
	23.750.000.000	-	23.750.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác: Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhơn Trạch	Đồng Nai	3,79%	3,79%	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	-	-	113.154.986	-
	-	-	113.154.986	-
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan				
	-	-	113.154.986	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 25)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi	18.975.000	-	-	-
	18.975.000	-	-	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	551.910.824	-	873.493.972	-
	551.910.824	-	873.493.972	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	245.062.402	-	259.588.276	-
Công cụ, dụng cụ	125.795.891	-	166.995.607	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.400.516.959	-	1.082.089.492	-
Thành phẩm	28.773.174.967	-	23.725.866.051	-
	30.544.550.219	-	25.234.539.426	-

9 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Trồng cao su tại xã Hàng Gòn, Xuân Tân và Xuân Định ^(*)	3.864.100.076	3.056.151.373
- Văn phòng đội Tân Định	54.545.454	54.545.454
	3.918.645.530	3.110.696.827

(*) Đây là dự án trồng và chăm sóc vườn cây cao su tái canh tại xã Hàng Gòn, Xuân Tân, thành phố Long Khánh và Xuân Định huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, thông tin chi tiết như sau:

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp;
- Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn chủ sở hữu;
- Quy mô của dự án: Dự án trồng và chăm sóc vườn cây cao su tái canh với diện tích đất tái canh là 79,09 ha;
- Tổng mức đầu tư: 6,455 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Dự án được bắt đầu triển khai từ năm 2016 và dự kiến hoàn thành vào năm 2024;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án trồng vườn cây cao su đang trong giai đoạn chăm sóc và tiếp tục thực hiện.

HỒ SƠ
NH
TO
SC

Công ty Cổ phần Cao su Công nghiệp
Số 14, đường 21 tháng 4, phường Xuân Tân, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

0 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Vườn cây cao su	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	11.531.851.219	1.675.410.458	5.762.816.093	638.160.590	88.246.384.467	107.854.622.827	94.000.000	94.000.000	94.000.000	94.000.000
Số dư đầu năm	-	-	-	94.000.000	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	11.531.851.219	1.675.410.458	5.762.816.093	732.160.590	80.164.156.776	99.866.395.136	94.000.000	94.000.000	94.000.000	94.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	7.689.571.662	1.084.755.073	4.361.114.875	449.947.171	41.173.621.700	54.759.010.481	41.173.621.700	41.173.621.700	41.173.621.700	41.173.621.700
Số dư đầu năm	897.093.817	112.536.408	489.794.815	94.261.625	2.443.949.571	4.037.636.236	2.443.949.571	2.443.949.571	2.443.949.571	2.443.949.571
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8.586.665.479	1.197.291.481	4.850.909.690	544.208.796	39.584.405.428	54.759.010.481	39.584.405.428	39.584.405.428	39.584.405.428	39.584.405.428
Giá trị còn lại	3.842.279.557	590.655.385	1.401.701.218	188.213.419	47.072.762.767	53.095.612.346	47.072.762.767	47.072.762.767	47.072.762.767	47.072.762.767
Tại ngày đầu năm	2.945.185.740	478.118.977	911.906.403	187.951.794	40.579.751.348	45.102.914.262	40.579.751.348	40.579.751.348	40.579.751.348	40.579.751.348
Tại ngày cuối năm										

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 627.265.168 đồng.

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	502.823.772	-	763.237.327	1.173.281.837	-	-	92.779.262	-	-	-	92.779.262
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	649.425.167	-	2.606.529.360	794.563.116	-	-	2.461.391.411	-	-	-	2.461.391.411
Thuế Thu nhập cá nhân	42.646.196	-	466.528	237.916.748	260.253.986	-	-	64.983.434	-	-	-	-
Thuế Tài nguyên	-	-	-	3.909.360	3.837.168	-	-	-	-	-	-	538.720
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	1.642.720.982	1.642.720.982	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	10.598.889	10.598.889	-	-	-	-	-	-	-
	42.646.196	1.152.715.467	5.267.912.666	3.888.255.978	64.983.434	2.554.709.393						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
- Phải trả người lao động thuế TNCN quyết toán thừa
- Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
	2.845.000.000	645.000.000
	163.257.610	-
	3.008.257.610	703.173.195

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		
Số dư đầu năm trước	175.000.000.000	7.326.829.354	182.326.829.354	
Lãi trong năm trước	-	8.290.892.239	8.290.892.239	
Chia cổ tức năm 2018	-	(5.005.000.000)	(5.005.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.214.187.009)	(2.214.187.009)	
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý Công ty	-	(103.951.250)	(103.951.250)	
Số dư cuối năm trước	175.000.000.000	8.294.583.334	183.294.583.334	
Số dư đầu năm nay	175.000.000.000	8.294.583.334	183.294.583.334	
Lãi trong năm nay	-	15.733.098.612	15.733.098.612	
Chia cổ tức năm 2019	-	(4.847.500.000)	(4.847.500.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(3.277.117.166)	(3.277.117.166)	
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý Công ty	-	(167.451.375)	(167.451.375)	
Số dư cuối năm nay	175.000.000.000	15.735.613.405	190.735.613.405	

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 157/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 05 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế lũy kế đến ngày 31/12/2019	100,00	8.294.583.334
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban quản lý	41,53	3.444.568.541
Chi trả cổ tức	58,44	4.847.500.000
Lợi nhuận chưa phân phối	0,03	2.514.793

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
	- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	65,85	115.236.000.000	65,85
- Công ty CP Tập đoàn Capella	7,50	13.125.000.000	7,50	13.125.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	7,50	13.125.000.000	7,50	13.125.000.000
- Các cổ đông khác	19,15	33.514.000.000	19,15	33.514.000.000
	100	175.000.000.000	100	175.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	175.000.000.000	175.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	175.000.000.000	175.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	4.847.500.000	5.005.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.847.500.000	5.005.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(4.847.500.000)	(5.005.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(4.847.500.000)	(5.005.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.500.000	17.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	17.500.000	17.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	17.500.000	17.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

14 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 21/HĐTĐ ngày 27/04/2018 với Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tại các xã Xuân Tân, Hàng Gòn, thị xã Long Khánh, Xuân Định, Xuân Tâm, Xuân Hòa, Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc để sử dụng với mục đích trồng cây lâu năm và sản xuất phi nông nghiệp. Tổng diện tích các khu đất thuê là 8.483.757,5 m². Thời hạn thuê đến hết ngày 15/10/2043. Đơn giá thuê đất từ 133,75 đến 10.700 đồng/m²/năm theo từng vị trí địa lý của các lô đất. Tiền thuê đất được trả hàng năm cho đến ngày đáo hạn theo quy định của Nhà nước.

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 95/HĐTĐ ngày 05/08/2016 và hợp đồng điều chỉnh số 75/HĐTĐ ngày 04/07/2018 với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận tại xã Tân Đức, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận để sử dụng với mục đích trồng cây lâu năm. Tổng diện tích khu đất thuê là 1.185.967,8 m². Thời hạn thuê đến hết ngày 20/04/2035. Đơn giá thuê đất là 17,5 đồng/m²/năm. Tiền thuê đất được trả hàng năm cho đến ngày đáo hạn theo quy định của Nhà nước.

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán mù thành phẩm	16.213.500.000	29.820.800.000
Doanh thu bán cây tràm	1.118.100.000	-
Doanh thu bán mù tạp	1.344.360.000	888.777.000
Doanh thu chăm sóc vườn cây cao su Xuân Tâm	320.013.885	329.524.652
	18.995.973.885	31.039.101.652
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 25.)	320.013.885	329.524.652

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn bán mù thành phẩm	19.755.882.383	25.993.603.904
Giá vốn bán cây tràm	129.251.731	-
Giá vốn bán mù tạp	1.207.780.000	832.288.000
Giá vốn dịch vụ chăm sóc vườn cây cao su Xuân Tâm	316.807.976	329.496.793
	21.409.722.090	27.155.388.697

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	5.332.518.815	4.835.500.043
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.500.000.000
	5.332.518.815	7.335.500.043

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	632.905.629	622.999.410
Chi phí nhân công	4.993.401.555	4.213.228.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	515.796.994	526.074.043
Thuế, phí, và lệ phí	201.985.714	108.948.355
Chi phí dịch vụ mua ngoài	362.605.625	332.367.917
Chi phí khác bằng tiền	2.791.604.384	1.885.920.921
	9.498.299.901	7.689.539.194

19 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định ^(*)	23.265.759.334	6.328.451.849
Thu nhập từ trồng xen canh hoa màu	267.772.727	-
Tiền bồi thường cây cao su dưới dự án cao tốc Phan Thiết - Dầu Dây	1.470.000.000	-
Thu nhập khác	-	3.264.000
	25.003.532.061	6.331.715.849

(*) Thu nhập từ thanh lý lô cao su 1993 và cây cao su gãy đổ trong dự án đường cao tốc Phan Thiết - Dầu Dây với tổng diện tích 54,9ha. Tổng giá trị thu thanh lý là 27.550.100.000 đồng, giá trị còn lại là 4.049.061.848 đồng, chi phí thanh lý là 235.278.818 đồng, lãi thanh lý là 23.265.759.334 đồng.

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.339.627.972	9.786.889.211
Các khoản điều chỉnh tăng	278.438.889	193.095.649
- Chi phí không hợp lệ	10.598.889	1.428.229
- Thù lao Hội đồng quản trị	267.840.000	191.667.420
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.500.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(2.500.000.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	18.618.066.861	7.479.984.860
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính (thuế suất 15%)	(11.717.984.015)	(3.676.744.590)
- Thu nhập từ hoạt động khác (thuế suất 20%)	30.336.050.876	11.156.729.450
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.723.613.372	1.495.996.972
- Chi phí thuế TNDN có thuế suất 15%	(2.343.596.803)	(735.348.918)
- Chi phí thuế TNDN có thuế suất 20%	6.067.210.175	2.231.345.890
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành được giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	1.117.084.012	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.606.529.360	1.495.996.972
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	649.425.167	1.149.960.693
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(794.563.116)	(1.996.532.498)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	2.461.391.411	649.425.167

21 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	15.733.098.612	8.290.892.239
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	15.733.098.612	8.290.892.239
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	17.500.000	17.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	899	474

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

22 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.318.161.803	4.577.655.601
Chi phí nhân công	21.705.867.147	21.737.588.675
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.037.636.236	4.175.461.047
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.788.388.329	2.857.091.739
Chi phí khác bằng tiền	3.497.480.768	2.294.001.556
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	36.347.534.283	35.641.798.618

23 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.789.972.469	-	15.863.570.272	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	551.910.824	-	986.648.958	-
Các khoản cho vay	86.300.000.000	-	64.200.000.000	-
	100.641.883.293	-	81.050.219.230	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			3.008.257.610	703.173.195
Chi phí phải trả			42.500.000	42.500.000
			3.050.757.610	745.673.195

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.789.972.469	-	-	13.789.972.469
Phải thu khách hàng, phải thu khác	551.910.824	-	-	551.910.824
Các khoản cho vay	86.300.000.000	-	-	86.300.000.000
	<u>100.641.883.293</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>100.641.883.293</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.863.570.272	-	-	15.863.570.272
Phải thu khách hàng, phải thu khác	986.648.958	-	-	986.648.958
Các khoản cho vay	64.200.000.000	-	-	64.200.000.000
	<u>81.050.219.230</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>81.050.219.230</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	3.008.257.610	-	-	3.008.257.610
Chi phí phải trả	42.500.000	-	-	42.500.000
	<u>3.050.757.610</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.050.757.610</u>
Tại ngày 01/01/2020				
Phải trả người bán, phải trả khác	703.173.195	-	-	703.173.195
Chi phí phải trả	42.500.000	-	-	42.500.000
	<u>745.673.195</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>745.673.195</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

24 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

25 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ			
-	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	320.013.885	329.524.652

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Mối quan hệ	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND

Phải thu ngắn hạn của khách hàng

- Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ	-	113.154.986
--	------------	---	-------------

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	982.866.000	857.222.800
- Ông Nguyễn Đăng Tấn Giám đốc	514.883.000	449.761.400
- Ông Đỗ Tấn Điềm Phó Giám đốc	467.983.000	407.461.400
Thù lao của Hội đồng quản trị	574.466.000	645.122.800
- Ông Trịnh Hoàng Ân Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 05 năm 2020)	269.000.000	459.800.000
- Ông Phạm Nam Hưng Chủ tịch (Bỏ nhiệm ngày 27 tháng 05 năm 2020)	47.600.000	-
- Ông Nguyễn Cao Trí Ủy viên	128.933.000	92.661.400
- Ông Trần Hải Bình Ủy viên	128.933.000	92.661.400
Thù lao của Ban kiểm soát	426.337.567	298.662.650
- Bà Trần Thị Hồng Loan Trưởng ban	294.687.867	211.001.250
- Bà Ngô Thị Cẩm Hà Thành viên	65.824.700	43.830.700
- Bà Mai Minh Phương Thành viên	65.825.000	43.830.700

26 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đồng Nai, ngày 18 tháng 01 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Thung

Nguyễn Văn Hùng



Nguyễn Đăng Tấn

Vũ Đức Thắng

Nguyễn Văn Hùng

Nguyễn Đăng Tấn



Đồng Nai, ngày 07 tháng 04 năm 2021
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT





Trụ sở chính: Số 14, Đường 21 tháng 4, P. Xuân Tân, Tp. Long Khánh,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam



Điện thoại: (025) 13721 199



Website: ctycaosucongnghiep@yahoo.com.vn